



BẢN TIN CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 30/2024
Từ 29/7 - 02/8/2024

TIN NỔI BẬT CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHỦ TỊCH NƯỚC: THÁO GỠ KIỆP THỜI KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Chiều ngày 31/7/2024, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có cuộc làm việc với các cơ quan về công tác thi đua, khen thưởng thời gian qua, cũng như phương hướng nhiệm vụ thời gian tới.



Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc về công tác thi đua, khen thưởng.
Ảnh: TTXVN

Theo báo cáo, thời gian qua, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tập trung đơn đốc, chỉ đạo các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương tổ chức phát động, triển khai các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; tập trung giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, tháo gỡ khó khăn để phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Từ năm 2021 đến nay, trên cả nước triển khai 7 phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương phát động. Hội đồng đã tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến toàn quốc, nhân kỷ niệm 75 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2023).

Các Bộ, ban, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch, triển khai tuyên truyền; tổ chức nhiều hoạt động để kịp thời động viên, khích lệ và nhân rộng các điển hình, thông qua nhiều hình thức.

Cùng với đó, công tác tham mưu hoàn thiện thể chế, pháp luật về thi đua, khen thưởng được tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo cơ sở pháp lý ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Cơ quan chuyên trách đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc để nâng cao chất lượng phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động được triển khai đồng bộ, hiệu quả, là nòng cốt, định hướng cho các phong trào thi đua.

Công tác tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhiều điển hình tiên tiến được tôn vinh, khen thưởng tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

Công tác tham mưu Kế hoạch tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước các cấp, ngành, tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện kịp thời, đúng tiến độ. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các thành viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch công tác, góp phần nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng.

Tại Buổi làm việc, Chủ tịch nước Tô Lâm cho biết, công tác thi đua, khen thưởng phải tạo được không khí thi đua sôi nổi, khơi dậy niềm tin và tự hào trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân để nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng cao nhất, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước. Đặc biệt, công tác khen thưởng phải thực chất, đúng người, đúng việc, không quá máy móc và xứng đáng với đóng góp.

Chủ tịch nước nêu rõ, năm 2025 sẽ có nhiều sự kiện kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, đất nước, dân tộc như: 95 năm thành lập Đảng; 50 năm Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; 80 năm Cách mạng tháng 8 thành công và Quốc khánh 2/9; năm 2025 có ngày kỷ niệm tròn chẵn của hầu hết các Bộ, ngành và nhiều địa phương trong cả nước... đặt ra nhiều nhiệm vụ với công tác thi đua, khen thưởng.

Chủ tịch nước khẳng định, đất nước ngày càng phát triển, thành tích ngày càng nhiều, cần tạo không khí phấn khởi, động viên thi đua, khen thưởng về những đóng góp của cán bộ, Nhân dân và vì vậy, công tác thi đua, khen thưởng cần rà soát lại để sát với thực tế.

Mặt khác, nhiều cán bộ lão thành, có nhiều đóng góp cho cách mạng, nhiều cán bộ, chiến sĩ có nhiều đóng góp cho Tổ quốc, nhưng công tác khen thưởng còn vướng mắc, tồn đọng chưa được giải quyết.

Chính vì vậy, Chủ tịch nước yêu cầu tập trung tháo gỡ khó khăn, tìm kiếm biện pháp giải quyết một cách hợp lý các trường hợp khen thưởng đối với những tổ chức, cá nhân có thành tích trong kháng chiến mà do khách quan chưa làm được. Cùng với đó, quá trình 40 năm Đổi mới cũng đặt ra nhiều vấn đề cho công tác thi đua, khen thưởng trong lao động sản xuất, đổi mới sáng tạo.

Chủ tịch nước biểu dương Bộ Nội vụ đã có những thống kê, báo cáo đánh giá công tác thi đua, khen thưởng kịp thời; nhất trí với 4 nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng mà Bộ Nội vụ đề ra; đánh giá cao tinh thần, trách nhiệm và đóng góp tích cực của các thành viên Hội đồng; những kết quả mà phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng đã đạt được trong thời gian qua, góp phần quan trọng vào thành tích chung và việc triển khai thành công các nhiệm vụ trên tất cả lĩnh vực của đất nước.

Đối với các kiến nghị, đề xuất, Chủ tịch nước nhất trí việc thực hiện tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW; lưu ý khi tổng kết cần có đánh giá những đóng góp của công tác thi đua, khen thưởng trong gần 40 năm đổi mới đất nước.

Chủ tịch nước cũng đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tham mưu, đề xuất cho Bộ Chính trị ban hành chỉ thị mới cho công tác thi đua, khen thưởng, trong đó cần chú ý không chỉ thi đua, khen thưởng cho nhiệm kỳ đại hội tới mà cần hướng đến thi đua tiến tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng, 100 năm Ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; lưu ý công tác thi đua, khen thưởng hướng đến tôn vinh những công sức đóng góp của cán bộ, Nhân dân.

Chủ tịch nước cũng lưu ý việc tháo gỡ vướng mắc khi triển khai Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các quy định pháp luật liên quan cần giữ nghiêm, thực hiện đúng quy định, khi có khó khăn trong vận dụng văn bản quy định, cần có đề xuất, kiến nghị để tháo gỡ kịp thời.

Chủ tịch nước đề nghị thời gian tới, công tác thi đua khen, thưởng cần chú trọng thể chế hóa chủ trương của Đảng để hoàn thiện hệ thống pháp luật, tháo gỡ kịp thời khó khăn liên quan công tác thi đua, khen thưởng.

Công tác thi đua, khen thưởng gắn với cải cách thủ tục hành chính để làm sao bảo đảm kịp thời, chính xác hiệu quả, có tính chất động viên phong trào; đồng thời cần công khai minh bạch, có tính giáo dục, nêu gương; chú trọng người lao động trực tiếp, người sản xuất...

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: ĐẨY MẠNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU

Ngày 29/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg về đẩy mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành Luật Đấu thầu.

Chỉ thị nêu: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024. Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Đồng thời, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ đã ban hành các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.

Việc ban hành các văn bản nêu trên trong thời gian qua đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, đặc biệt là hoạt động mua sắm thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đấu thầu tại các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp còn tồn tại một số bất cập như: thời gian đấu thầu kéo dài, hiệu quả đấu thầu chưa đạt được như kỳ vọng; các bên tham gia hoạt động đấu thầu (người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, tư vấn đấu thầu...) chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định; năng lực cán bộ còn hạn chế; còn dễ xảy ra sai sót, vi phạm trong hoạt động đấu thầu; chưa bảo đảm việc công khai, minh bạch thông tin về đấu thầu theo quy định.

Trong lĩnh vực y tế, công tác đấu thầu mua sắm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh còn gặp khó khăn mà trong đó có nguyên nhân do năng lực cán bộ làm công tác đấu thầu chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, kinh nghiệm; đội ngũ làm công tác mua sắm hầu hết là kiêm nhiệm nên còn lúng túng, chậm trễ trong quá trình triển khai hoạt động đấu thầu. Ngoài ra, còn có tâm lý e ngại, sợ sai, sợ chịu trách nhiệm ở một số cá nhân, đơn vị và địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ dẫn đến tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế ở một số cơ sở y tế.

Để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

Hoàn thiện, ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu

Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương hoàn thiện Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu, trình Chính phủ ban hành trong tháng 7/2024.

Ban hành mẫu hồ sơ tài liệu đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; hoàn thành trong Quý III/2024; ban hành mẫu tài liệu đấu thầu đối với mua sắm trực tuyến; chào giá trực tuyến; lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật để cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu EPC đối với đấu thầu trong nước (qua mạng) và đấu thầu quốc tế (không qua mạng); hoàn thành trong Quý IV/2024.

Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành trong Quý IV/2024.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và sử dụng vốn nhà nước để bảo đảm phù hợp với Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; hoàn thành trong tháng 7/2024; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để bảo đảm phù hợp với Luật Đấu thầu; trình Chính phủ trong năm 2025.

Bộ Y tế rà soát các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP đã ban hành theo thẩm quyền để bảo đảm thống nhất về nội dung trong các văn bản này; hoàn thành trong Quý IV/2024.

Hướng dẫn về phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng để thực hiện nhiệm vụ được giao tại điểm d Khoản 2 Điều 135 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; hoàn thành trong Quý III/2025.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát các văn bản quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý (nếu có) để kịp thời ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (sau khi được ban hành); hoàn thành trong tháng 12/2024.

Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư phù hợp với điều kiện đặc thù phát triển của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp cần thiết; hoàn thành trong tháng 12/2024.

Đồng thời, rà soát, ban hành danh mục hàng hóa, thuốc áp dụng mua sắm tập trung cấp địa phương theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 53 Luật Đấu thầu; ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 83 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; hoàn thành trong Quý IV/2024.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khẩn trương ban hành văn bản quy định về thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; hoàn thành trong Quý III/2024.

Cắt giảm tối đa thủ tục rườm rà gây khó khăn cho mua sắm thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý đấu thầu, dữ liệu giải đáp các tình huống trong đấu thầu bảo đảm minh bạch, thống nhất, đúng thẩm quyền; tiếp tục hoàn thiện tính năng, tiện ích trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn, an ninh mạng.

Bộ Y tế rà soát cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính rườm rà gây phiền hà, khó khăn cho việc thực hiện thủ tục mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

Đẩy mạnh đấu thầu qua mạng, tận dụng các tính năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để tăng cường tính công khai, minh bạch, bảo đảm thuận lợi trong hoạt động lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

Chủ động, kịp thời mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia và các trường hợp cần mua sắm tập trung khác theo quy định tại Khoản 5 Điều 53 Luật Đấu thầu (thuốc kháng HIV/AIDS, thuốc điều trị lao...), bảo đảm không để xảy ra tình trạng thiếu thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; chủ động, kịp thời tổ chức đàm phán giá đối với thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo danh mục đàm phán giá.

Thông báo thường xuyên kế hoạch, tiến độ mua sắm tập trung cấp quốc gia, đàm phán giá và kịp thời thông báo các trường hợp thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia, danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá mà địa phương, cơ sở y tế được tổ chức lựa chọn nhà thầu, bảo đảm đáp ứng yêu cầu điều trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 94 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Quản lý, giám sát chặt chẽ việc công khai, kê khai, kê khai lại giá thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế phù hợp với mặt bằng giá thị trường nhằm ngăn ngừa nâng giá bất hợp lý.

Nghiên cứu xây dựng, ban hành Sổ tay hướng dẫn quy trình đấu thầu nội bộ mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, bảo đảm xác định rõ trình tự, thủ tục, thời gian và trách nhiệm thực hiện để áp dụng chung cho các bệnh viện thuộc quản lý của Bộ Y tế và để các bệnh viện khác tham khảo, áp dụng.

Có biện pháp, cơ chế xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trong đấu thầu tại các cơ sở y tế; không để chậm trễ kéo dài, dẫn đến tình trạng thiếu thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam công khai giá từng loại thuốc trúng thầu được thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế của từng bệnh viện, địa phương và Bộ Y tế trên Trang thông tin điện tử của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, đẩy mạnh thực hiện đấu thầu qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo đúng lộ trình quy định tại Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; đăng tải đầy đủ thông tin đúng trách nhiệm và thời hạn theo quy định của pháp luật về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để tối ưu hóa việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng, mở rộng đối tượng tiếp cận thông tin tới các nhà đầu tư tiềm năng trong nước và quốc tế.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo công tác đấu thầu thuốc tại địa phương, bảo đảm các cơ sở y tế đủ thuốc, hóa chất, thiết bị y tế và các dịch vụ liên quan khác phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh; chỉ đạo đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương thông báo thường xuyên cho các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý tại địa phương về tiến độ mua sắm tập trung cấp địa phương và thông báo kịp thời cho các cơ sở y tế về các trường hợp thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương mà cơ sở y tế được tổ chức lựa chọn nhà thầu, bảo đảm đáp ứng yêu cầu điều trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 94 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu người đứng đầu các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người có thẩm quyền (đối với trường hợp được phân cấp), trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, bảo đảm đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và các dịch vụ liên quan khác phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh và quản lý chặt chẽ việc tổ chức mua sắm, đấu thầu, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tránh lãng phí; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng

thiếu thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và các dịch vụ liên quan tại các cơ sở y tế thuộc quyền quản lý.

Người có thẩm quyền chỉ đạo chủ đầu tư, bên mời thầu, bên mời quan tâm, cơ quan, đơn vị thẩm định thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về đấu thầu; trong đó, lưu ý đẩy nhanh tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (chú trọng thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư), dự thảo hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trong quá trình lập hồ sơ mời thầu, đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý kiến nghị, xử lý vi phạm

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cơ quan quản lý về đấu thầu thuộc Bộ, ngành, địa phương, đơn vị quản lý về đấu thầu tại doanh nghiệp nhà nước thường xuyên theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về đấu thầu để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục sơ hở, bất cập.

Cơ quan quản lý về đấu thầu chú trọng thực hiện giám sát thường xuyên đối với hoạt động đấu thầu khi phát hiện có dấu hiệu không bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế để có các biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước tăng cường tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên về công tác đấu thầu theo quy định. Các cuộc thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu, chất lượng, nhằm phát hiện các hạn chế, thiếu sót, vi phạm để đề xuất biện pháp xử lý kịp thời; đồng thời, tăng cường vai trò của cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện các kết luận kiểm tra, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền; chú trọng kiểm tra đối với những gói thầu có ít nhà thầu tham dự, giá trị tiết kiệm thấp; gói thầu quy mô lớn, phức tạp; các gói thầu đấu thầu không qua mạng; các gói thầu áp dụng chỉ định thầu hoặc các gói thầu có nhiều kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; một nhà thầu trúng nhiều gói thầu tại một địa phương, một chủ đầu tư trong thời gian dài nhưng có hiệu quả kinh tế thấp. Cơ quan thanh tra phải bảo đảm thực hiện nhiệm vụ công tâm, khách quan, không để việc thanh tra làm ảnh hưởng, gián đoạn, đình trệ hoạt động đấu thầu, mua sắm tại các cơ sở y tế.

Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước thường xuyên nắm bắt các thông tin, phản ánh, kiến nghị về các hành vi tiêu cực, vi phạm trong đấu thầu để kịp thời xác minh, xử lý. Trường hợp cần thiết hoặc phát hiện vi phạm nghiêm trọng cần chủ động đề xuất thanh tra, kiểm tra đột xuất hoặc chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật; thực hiện việc đăng tải thông tin xử lý vi phạm của nhà thầu, nhà đầu tư theo đúng trách nhiệm, gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi.

Người có thẩm quyền, chủ đầu tư giải quyết các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo đúng thẩm quyền, không đẩy trách nhiệm cho các bộ, ngành, cơ quan cấp trên giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của mình (như xử lý tình huống, kiến nghị trong đấu thầu); xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo trách nhiệm được quy định tại Khoản 3 Điều 87 Luật Đấu thầu, bảo đảm chấn chỉnh kịp thời, triệt để những tồn tại, hạn chế trong công tác đấu thầu thuộc phạm vi phụ trách.

Tập huấn, nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến Luật Đấu thầu, Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các Thông tư có liên quan.

Bộ Y tế có giải pháp tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia vào công tác đấu thầu của ngành và của các bệnh viện do Bộ quản lý.

Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước tổ chức tuyên truyền, tập huấn nhằm nâng cao năng lực của cán bộ làm công tác đấu thầu trong việc thực hiện các quy định mới của Luật Đấu thầu, Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các Thông tư có liên quan; chủ động bố trí nguồn lực, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các khóa đào tạo cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu để nâng cao nghiệp vụ về đấu thầu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Nguồn: baohinhphu.vn

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGAY TRONG XÂY DỰNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Sáng ngày 31/7/2024, Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ tổ chức họp Phiên thứ năm, sơ kết công tác cải cách thủ tục hành chính, hoạt động của Tổ công tác và Hội đồng 6 tháng đầu năm 2024, triển khai nhiệm vụ thời gian tới.

Chuyển gánh nặng từ yêu cầu người dân cung cấp sang cơ quan Nhà nước xác minh

Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) Ngô Hải Phan, Ủy viên thường trực Tổ công tác, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng tư vấn cho biết, 6 tháng đầu năm 2024, đã có 168 quy định kinh doanh tại 16 văn bản quy phạm pháp luật được cắt giảm, đơn giản hóa. Tính từ năm 2021 đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa 2.943 quy định kinh doanh tại 250 văn bản quy phạm pháp luật, ước tính tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa đạt khoảng 18,6% và khoảng 10% chi phí tuân thủ. Nhiều quy định được cải cách mạnh mẽ mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực, tạo sự chuyển biến tích cực góp phần cải thiện môi trường kinh doanh.

Từ đầu năm đến nay, các Bộ, ngành đã phân cấp 108 thủ tục hành chính tại 21 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó 50 thủ tục hành chính phân cấp từ cấp trên cho cấp dưới và 58 thủ tục hành chính phân cấp trong nội bộ của Bộ, cơ quan. Tính từ năm 2022 đến nay, đã có 19/21 Bộ, cơ quan thực hiện phân cấp 261/699 thủ tục hành chính tại 53 văn bản quy phạm pháp luật. Nhiều thủ tục hành chính được phân cấp giúp giảm tầng nấc, khâu trung gian, cơ quan cấp trên giảm việc sự vụ và tập trung vào xây dựng chính sách; giảm thời gian đi lại của người dân, doanh nghiệp.

Triển khai 19 nghị quyết chuyên đề và Đề án 06, trong 6 tháng đầu năm, đã đơn giản hóa 247 thủ tục hành chính, giấy tờ công dân tại 26 văn bản quy phạm pháp luật, nâng tổng số thủ tục hành chính, giấy tờ công dân được đơn giản hóa đến nay là 828 thủ tục hành chính, đạt

76%. Qua đó, giảm bớt yêu cầu cung cấp các giấy tờ, thông tin trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và đẩy mạnh khai thác, tái sử dụng dữ liệu; các thủ tục hành chính liên quan đến dân cư được đơn giản hóa giúp cắt giảm chi phí, thời gian thực hiện.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2024/NĐ-CP quy định việc thực hiện liên thông hai nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất. Theo đó, cắt giảm 9 loại giấy tờ và tái sử dụng 6 trường thông tin; chuyển gánh nặng từ yêu cầu người dân cung cấp sang cơ quan Nhà nước xác minh hoặc sử dụng dữ liệu đã có, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; giảm chi phí, thời gian (nhóm khai sinh từ 21 ngày giảm còn 4 ngày, nhóm khai tử từ 25 ngày xuống còn 18 ngày).

Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy vai trò giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, góp phần khắc phục điểm yếu trong khâu tổ chức thực thi. Hội đồng Tư vấn cũng đã phát huy vai trò “cầu nối” giữa Chính phủ với người dân, doanh nghiệp, huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng doanh nghiệp và người dân vào quá trình cải cách của Chính phủ, bảo đảm cải cách hướng tới người dân, phục vụ người dân cũng như nâng cao khả năng phản ứng chính sách. Đến nay, Tổ công tác đã cơ bản hoàn thành 13/17 nhiệm vụ (không có nhiệm vụ quá hạn), Hội đồng tư vấn hoàn thành 10/23 nhiệm vụ (không có nhiệm vụ quá hạn) theo Kế hoạch hoạt động.

Tuy nhiên, theo Cục trưởng Ngô Hải Phan, công tác cải cách thủ tục hành chính vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Một số quy định, thủ tục hành chính còn chồng chéo, phức tạp, qua nhiều khâu trung gian; việc đánh giá tác động chính sách, chi phí tuân thủ cũng như hoạt động tham vấn của một số cơ quan tuân thủ chưa nghiêm. Thủ tục hành chính nội bộ trong từng Bộ, cơ quan, địa phương và giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau còn phức tạp, rườm rà.

Việc tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, người dân chưa được quan tâm đúng mức, tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là ở cơ sở vẫn còn tình trạng những nhiễu, tiêu cực. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính chủ yếu theo phương thức truyền thống hồ sơ giấy, theo địa giới hành chính; một số dịch vụ công trực tuyến thực hiện chưa thuận lợi. Việc số hóa tái sử dụng dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành, địa phương còn thấp.

Nguyên nhân là do người đứng đầu một số Bộ, cơ quan, địa phương chưa quan tâm đến công tác cải cách thủ tục hành chính. Trình độ của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; thói quen làm việc theo phương thức truyền thống, chưa theo kịp với tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ. Công tác phối hợp giữa các bộ, cơ quan, địa phương đôi khi còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời...

Khai thác hiệu quả Đề án 06

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Hà Minh Hải cho biết, triển khai thí điểm cấp lý lịch tư pháp qua VNeID, đến ngày 23/7/2024, sau 3 tháng triển khai, thành phố đã tiếp

nhận trên 33 nghìn hồ sơ yêu cầu, chiếm trên 81% tổng số hồ sơ cấp phiếu, cho thấy sự quan tâm ủng hộ rất lớn của người dân. Điều này đem lại 3 lợi ích lớn: tiết kiệm chi phí (ước tính tổng chi phí tiết kiệm cho người dân khoảng 10,8 tỷ đồng và cơ quan nhà nước khoảng 3,4 tỷ đồng); người dân có thể yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp tại bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ ở đâu, giúp tiết kiệm thời gian, công sức của cán bộ, công chức Sở Tư pháp, người dân và cơ quan khác; công khai, minh bạch, giảm thiểu gánh nặng và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Thông tin về việc triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Võ Văn Hoan cho biết, đến nay thành phố đã lập tổ công tác liên ngành để nghiên cứu và đang xây dựng đề cương Đề án, sẽ hoàn thiện trong năm 2024. Từ nay đến cuối năm, TP. Hồ Chí Minh tiếp tục rà soát, phê duyệt danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đưa 100% thủ tục cung cấp trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Tại Phiên họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang nêu 7 việc làm được trong 6 tháng đầu năm, đó là: (i) phân cấp rất mạnh; (ii) thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa nhiều; (iii) thủ tục thực hiện trực tuyến tăng nhanh; (iv) đã có sự quan tâm đến ý kiến của doanh nghiệp và người dân một cách có trách nhiệm hơn; (v) khai thác tốt kết quả của Đề án 06; (vi) có sự cải cách thủ tục hành chính ngay trong xây dựng quy định pháp luật; (vii) có một số mô hình hay như cấp phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID, Thủ tướng Chính phủ có chủ trương cho xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại 4 địa phương là TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh.

Song, Phó Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ ra 4 việc chưa được, đó là “nợ nần một số Bộ, ngành, địa phương chưa trả xong, lên kế hoạch rồi nhưng làm không được”; có những việc vướng quy định không làm được (như chi phí đầu tư cho Đề án 06 có tiền mà không tiêu được); việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và phối hợp trên dưới chưa tốt; việc xử lý vướng mắc của người dân còn hạn chế, có những trường hợp sau khi giải thích người dân vẫn không hiểu, không làm được.

Nhấn mạnh phải quyết liệt hơn, phối hợp tốt hơn, trách nhiệm hơn Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang nêu rõ, những việc chưa làm thì bây giờ phải làm, những việc dở dang tiếp tục làm, làm theo kế hoạch đã có và dưới “ánh sáng” các nghị quyết đã có, đề cao vai trò của người đứng đầu. Địa phương nào, Bộ, ngành nào người đứng đầu quyết liệt là nơi đó có thành quả và ngược lại.

“Phải phối hợp tốt hơn, tránh việc phát văn bản hỏi ông A, bà B rồi ngồi chờ, có khi cả năm chưa có trả lời”, Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Nhắc nhở làm tốt hơn công tác truyền thông; 6 Bộ: Nội vụ, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Y tế trả lời kiến nghị của các địa phương trước ngày 15/8, Phó Thủ tướng cũng lưu ý các bộ, ngành, địa phương trả lời các kiến nghị của thành viên Hội đồng tư vấn, “phải tôn trọng Hội đồng tư vấn, các vị chuyên gia nói mình phải trả lời”, thời hạn là ngày 30/8.

“Trả lời nhớ gửi cho tôi 1 bản, qua Thường trực Tổ công tác, để tôi kiểm soát. Cái này cũng phải sòng phẳng với nhau để cuối năm còn đánh giá”, Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

Đề cập đến mô hình cấp phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID của TP. Hà Nội và Thừa Thiên - Huế đem lại nhiều tiện lợi, Phó Thủ tướng Chính phủ mong các địa phương khai thác tối đa các ứng dụng mà Đề án 06 mang lại, bảo đảm an toàn kết nối; bày tỏ hy vọng mô hình thí điểm thành lập trung tâm phục vụ hành chính công một cấp bắt đầu khởi động vào tháng 9 năm nay sẽ mang lại kết quả tích cực.

Nguồn: baotintuc.vn/ttxnv

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Quốc phòng đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư ban hành Quy chế về Giải thưởng Lao động sáng tạo trong Công đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam.**

Dự thảo quy định, xét tặng Giải thưởng phải đảm bảo nguyên tắc: Việc đăng ký đề nghị xét tặng Giải thưởng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện; đồng thời, gắn với vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy, cơ quan chính trị các cấp trong tổ chức thực hiện.

Việc xét tặng Giải thưởng được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ công tác tổng hợp, phân loại, đánh giá, công nhận đạt giải và thông báo kết quả Giải thưởng, đảm bảo trung thực, khách quan, công bằng, công khai, dân chủ, chính xác, biểu quyết bằng phiếu kín và quyết định theo đa số.

Không xét tặng Giải thưởng cho các công trình tham dự Giải thưởng vi phạm Điều 8 Luật Khoa học và Công nghệ; chưa xét tặng Giải thưởng có các tác giả, tập thể tác giả trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Dự thảo quy định, đối với tác giả, tập thể tác giả: Gương mẫu chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội và quy định của đơn vị. Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với công trình: Có tính mới, tính sáng tạo, đã được ứng dụng hoặc có khả năng ứng dụng vào thực tiễn xây dựng Quân đội, bảo đảm an ninh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và lao động sản xuất, kinh doanh. Một công trình chỉ được lựa chọn và gửi tham gia 01 giải thưởng cấp Bộ Quốc phòng trong một năm và chưa đạt giải tại các cuộc thi, giải thưởng cấp Bộ, ngành và tương đương trở lên.

Theo dự thảo, tổng điểm tối đa cho công trình là 100 điểm, trên 04 tiêu chí, cụ thể:

1. Giá trị khoa học của công trình (tính mới, tính sáng tạo): Tối đa 25 điểm và đảm bảo các tiêu chí: a) Công trình đề cập những giải pháp chưa được công bố trong và ngoài Quân đội; b) Công trình tham gia Giải thưởng là kết quả của quá trình nghiên cứu, sáng tạo trong công tác hoạt động khoa học và công nghệ, lao động sản xuất, kinh doanh tạo ra.

2. Hiệu quả quốc phòng - an ninh và kinh tế - xã hội (tính kết quả): Tối đa 35 điểm. Đạt được các tiêu chí: a) Góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị chính quy, rèn luyện kỷ luật, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng công việc chuyên môn và đời sống văn hóa, tinh thần; xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tạo tiền đề để Nhân dân ổn định đời sống nơi đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo thuộc địa bàn chiến lược; làm công tác dân vận, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, củng cố thế trận quốc phòng, an ninh; đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an toàn lao động; bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện sinh hoạt; b) Đem lại lợi ích trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội.

3. Khả năng áp dụng của công trình: Tối đa 30 điểm. Đạt được các tiêu chí: a) Có khả năng áp dụng ở quy mô rộng lớn, được phổ biến rộng rãi; b) Có tính khả thi trong nghiên cứu, chế tạo, áp dụng, sử dụng; c) Nguyên vật liệu dễ khai thác, giá thành thấp và thay thế hàng nhập khẩu.

4. Khả năng phát triển của công trình: Tối đa 10 điểm. Công trình có khả năng tiếp tục nghiên cứu, phát triển sau khi đạt giải.

Hình thức Giải thưởng: Giấy chứng nhận của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị tặng cho các công trình đạt giải, kèm theo tiền thưởng.

Cơ cấu Giải thưởng:

Tỷ lệ giải thưởng hằng năm không quá 55% tổng số công trình tham dự Giải thưởng hợp lệ, trong đó: Giải Nhất, không quá 5% và phải đạt từ 90 điểm trở lên; Giải Nhì, không quá 10% và phải đạt từ 85 điểm trở lên; Giải Ba, không quá 15% và phải đạt từ 80 điểm trở lên; Giải Khuyến khích không quá 25% và phải đạt từ 75 điểm trở lên.

Trường hợp quá tỷ lệ trên, Cơ quan Thường trực báo cáo Hội đồng Giải thưởng xem xét, đề nghị Thủ trưởng Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Ưu tiên xét tặng Giải thưởng đối với các công trình ứng dụng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; công trình mang lại hiệu quả cao được ứng dụng phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị chính quy, rèn luyện kỷ luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm; tác giả, tập thể tác giả công trình công tác tại đơn vị ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; cá nhân là người dân tộc thiểu số, lao động hợp đồng.

Dự thảo đề xuất về khen thưởng như sau:

Đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tác giả, thành viên tập thể tác giả có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có đóng góp vào ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong tổng kết giai đoạn (5 năm, 10 năm) đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho tác giả, thành viên tập thể tác giả có công trình đạt giải nhất; tập thể có thành tích xuất sắc trong tổ chức và tham gia Giải thưởng hằng năm; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổng kết giai đoạn (5 năm, 10 năm).

Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng Lao động sáng tạo cho chủ nghiệm các công trình đạt giải nhất, nhì, ba đồng thời đảm bảo được các điều kiện và tiêu chí xét tặng Bằng Lao động sáng tạo được quy định tại Quy chế khen thưởng của tổ chức Công đoàn (nếu công trình có từ 2 tác giả trở lên thì chỉ xét đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo cho cá nhân có tỷ lệ đóng góp cao nhất).

Đối với công trình của tập thể tác giả đạt Giải thưởng thì các tác giả có tỷ lệ đóng góp từ 20% trở lên giá trị công trình mới được xem xét khen thưởng.

*** Bộ Công an đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào các văn bản:**

- Dự thảo Thông tư quy định quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông.

Dự thảo quy định cụ thể các hình thức tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông gồm: Kiểm soát thông qua Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; tuần tra, kiểm soát công khai; tuần tra, kiểm soát công khai kết hợp với hóa trang.

Theo dự thảo, hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ (sau đây viết gọn là Hệ thống giám sát) được trang bị, lắp đặt, quản lý, vận hành, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính và quy định của Bộ Công an về tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc quản lý, vận hành, sử dụng, bảo vệ Hệ thống giám sát.

Đơn vị Cảnh sát giao thông được giao quản lý Hệ thống giám sát phải bố trí cán bộ trực tại Trung tâm điều hành 24/24 giờ để vận hành hệ thống hoạt động liên tục, thông suốt, giám sát tình hình trật tự, an toàn giao thông, trật tự xã hội trên tuyến, phát hiện các hành vi vi phạm về giao thông đường bộ và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Việc phát hiện, xử lý vi phạm thông qua Hệ thống giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 24 Thông tư này...

- Dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Trung tâm chỉ huy giao thông để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Dự thảo Thông tư gồm 3 Điều, ban hành kèm theo 3 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; Trung tâm chỉ huy giao thông.

Quy chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị, phần mềm của Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Theo đó, các thành phần chính của Hệ thống giám sát bao gồm thiết bị giám sát, thiết bị hỗ trợ Hệ thống giám sát; các thiết bị tại trung tâm giám sát...

Quy chuẩn quy định cụ thể yêu cầu kỹ thuật của thiết bị giám sát (gồm: Thiết bị đo tốc độ, thiết bị Camera); yêu cầu kỹ thuật Hệ thống truyền dẫn; yêu cầu kỹ thuật thiết bị hỗ trợ Hệ thống giám sát; yêu cầu các thiết bị tại trung tâm Hệ thống giám sát (bao gồm hệ thống máy chủ, bộ lưu trữ, máy tính trạm, thiết bị tường lửa, thiết bị chuyên mạch, bộ lưu điện cho máy chủ và máy trạm, thiết bị chống sét); yêu cầu về phần mềm Hệ thống giám sát mô tả các chức năng cần có của phần mềm.

Phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe trên các loại xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng, quản lý và khai thác sử dụng thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe.

Quy chuẩn cũng nêu rõ, thiết bị giám sát hành trình là thiết bị điện tử được lắp trên xe ô tô để ghi, lưu trữ và truyền phát các thông tin bắt buộc liên quan trong hành trình của xe ô tô. Thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe là thiết bị được lắp trên xe ô tô để ghi, lưu trữ và truyền phát các thông tin hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông...

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Trung tâm chỉ huy giao thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về cơ sở vật chất và trang thiết bị đối với Trung tâm chỉ huy giao thông. Áp dụng đối với tổ chức và cá nhân liên quan đến xây dựng, cung cấp thiết bị và quản lý hoạt động của Trung tâm.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.**

Theo dự thảo, người nộp thuế có thể lựa chọn các phương thức sau đây để thực hiện giao dịch thuế điện tử thông qua: a) Cổng thanh toán điện tử hải quan/phần mềm, công cụ hỗ trợ do cơ quan hải quan cung cấp thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan; b) Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được kết nối với Cổng thanh toán điện tử hải quan; c) Cổng dịch vụ công quốc gia; d) Dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện nộp thuế điện tử; đ) Người nộp thuế lựa chọn bảo lãnh thuế điện tử của ngân hàng thì đăng ký thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng.

Người nộp thuế lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử theo một trong các phương thức sau:

Người nộp thuế truy cập Cổng thanh toán điện tử hải quan/Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử trực tuyến tại Cổng thanh toán/thông tin điện tử mà người nộp thuế đã lựa chọn, ký số và gửi cho cơ quan hải quan;

Người nộp thuế lựa chọn phương thức giao dịch thuế điện tử bằng phần mềm, công cụ hỗ trợ do cơ quan hải quan cung cấp mà người nộp thuế lựa chọn, ký số và gửi thông tin đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

Người nộp thuế nộp thuế điện tử thông qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, người nộp thuế truy cập vào Cổng trao đổi thông tin của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện chuyển thông tin nộp thuế điện tử của người nộp thuế đến Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định.

Người nộp thuế khi thực hiện giao dịch thuế điện tử phải sử dụng chứng thư chữ ký số đang còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận ký số trên các hồ sơ, chứng từ nộp thuế và thu khác bằng phương thức điện tử trừ một số trường hợp sau: a) Người nộp thuế là cá nhân đã có mã số thuế chưa được cấp chứng thư chữ ký số; b) Người nộp thuế lựa chọn phương thức nộp thuế điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này thực hiện theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Người nộp thuế đăng ký chứng thư chữ ký số với cơ quan hải quan để thực hiện nộp thuế điện tử trên Cổng thanh toán điện tử hải quan.

*** Bộ Công Thương đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào các văn bản:**

- Dự thảo Thông tư bãi bỏ toàn bộ 34 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành.

1. Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế Siêu thị, Trung tâm thương mại.

2. Quyết định số 1059/2005/QĐ-BTM ngày 25/11/2005 hướng dẫn đăng ký mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

3. Quyết định số 17/2007/QĐ-BTM của Bộ trưởng Bộ Thương mại ngày 27/7/2007 về việc tạm dừng việc tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng dệt may.

4. Thông tư số 02/1998/TT-BCN ngày 09/3/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp hướng dẫn về việc kiểm tra, kiểm định các thiết bị áp lực và thiết bị nâng trong ngành công nghiệp.

5. Thông tư số 02/2007/TT-BTM ngày 02/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về phân loại chi tiết nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 15 Điều 16 Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

6. Thông tư số 02/2009/TT-BCT ngày 21/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả của Cơ quan quản lý thị trường cấp trên.

7. Thông tư số 07/2009/TT-BCT ngày 09/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng dệt may đối với một số chủng loại hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

8. Thông tư số 05/2010/TT-BCT ngày 25/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2007/TT-BTM ngày 02/02/2007 của Bộ Thương mại về phân loại chi tiết nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Khoản 15 Điều 16 Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

9. Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 20/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cấp mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

10. Thông tư số 29/2010/TT-BCT ngày 19/7/2010 về việc nhập khẩu ô tô chưa qua sử dụng bị đục sửa số khung, số máy.

11. Thông tư số 10/2011/TT-BCT ngày 30/3/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

12. Thông tư số 31/2011/TT-BCT ngày 19/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều chỉnh giá bán điện theo thông số đầu vào cơ bản.

13. Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

14. Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

15. Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

16. Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực.

17. Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 19/11/2014 của Bộ Công Thương về việc quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.

18. Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

19. Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

20. Thông tư số 23/2015/TT-BCT ngày 13/7/2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao.

21. Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16/09/2015 của Bộ Công Thương về việc quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ.

22. Thông tư số 45/2015/TT-BCT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao.

23. Thông tư số 37/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương.

24. Thông tư số 43/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương quy định về cam kết phát triển dự án và cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện không thực hiện đúng tiến độ cam kết.

25. Thông tư 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

26. Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

27. Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy về việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

28. Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

29. Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

30. Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT- BCT-BTC ngày 04/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức phối hợp kiểm tra giữa cơ quan Quản lý thị trường và cơ quan Quản lý giá.

31. Thông tư liên tịch số 36/2012/TTLT-BCT-BCA-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn xử lý vi phạm về kinh doanh rượu nhập lậu, sản phẩm thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá nhập lậu.

32. Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

33. Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BCT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 17/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn chuyển hồ sơ vụ trộm cắp điện để truy cứu trách nhiệm hình sự.

34. Thông tư liên tịch số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và Điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Dự thảo Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Công Thương ở địa phương.

Dự thảo Thông tư này quy định chi tiết danh mục và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Công Thương tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các cơ quan theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong đơn vị.

Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trù dập công chức, viên chức.

Không thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với người có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

Ngoài việc thực hiện nguyên tắc theo Thông tư này, đối với viên chức còn phải căn cứ vào hợp đồng làm việc đã ký với đơn vị sự nghiệp.

Dự thảo nêu rõ, danh mục thuộc lĩnh vực Công Thương phải thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác gồm: Cấp các loại giấy phép liên quan đến xuất nhập khẩu, dịch vụ thương mại; Cấp giấy phép liên quan đến việc bảo đảm tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc là từ đủ 03 năm đến 05 năm (không bao gồm thời gian tập sự của công chức, viên chức).

Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có quyết định điều động, bố trí phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 của Chính phủ và đã bị bãi bỏ một phần bởi Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh.**

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết, nội dung dự thảo Nghị định tập trung vào các nội dung cơ bản: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính để không chồng chéo pháp luật về điện ảnh, theo đó dự kiến loại bỏ một số quy định tại Nghị định số 32/2012/NĐ-CP để phù hợp với Luật Điện ảnh năm 2022 ngày 15/6/2022 và Nghị định số 131/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh đã quy định về xuất khẩu, nhập khẩu phim.

Quy định một số nội dung nhằm cắt giảm, minh bạch hóa thủ tục hành chính về giám định xuất khẩu và cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm, bao gồm Quy định về giải thích thuật ngữ “văn hóa phẩm”, trong đó bỏ quy định quản lý đối với xuất nhập khẩu văn hóa qua internet và qua các hình thức khác;

Thực hiện phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao hoặc cơ quan có chuyên môn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao ủy quyền thực hiện giám định di vật, cổ vật; Bổ sung thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu.

Thay thế thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm bằng thủ tục Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm đơn giản thủ tục hành chính, riêng đối với di vật, cổ vật vẫn duy trì thủ tục cấp phép nhập khẩu như Nghị định số 32/2012/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định phương thức nộp, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính qua môi trường mạng.

Quy định cá nhân, tổ chức Việt Nam nhận chuyển giao văn hóa phẩm nhập khẩu từ cá nhân, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao có trách nhiệm trực tiếp làm thủ tục Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm tại cơ quan nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền tại Điều 12 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam.**

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định quy định cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam được tiến hành trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo chủ yếu và hướng đến các mục đích xây dựng cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam trên cơ sở cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; cụ thể hóa nội dung

chính sách đã được Chính phủ quy định tại các Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 60/2022/NĐ-CP về vận dụng cơ chế tài chính, tiền lương như doanh nghiệp đối với Đài Truyền hình Việt Nam.

Dự thảo Nghị định này gồm 6 Chương và 13 Điều, nội dung chính như sau:

Chương I: Quy định chung, bao gồm các quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc quản lý tài chính đối với Đài Truyền hình Việt Nam.

Chương II: Quản lý sử dụng vốn, bao gồm các quy định về: Quản lý sử dụng vốn, tài sản.

Chương III: Doanh thu và chi phí, bao gồm các quy định về: Quản lý hoạt động kinh doanh, dịch vụ; Doanh thu và thu nhập khác; Chi phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ; Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

Chương IV: Kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối kết quả sản xuất kinh doanh, bao gồm các quy định về: Phân phối kết quả tài chính trong năm; trích lập quỹ và sử dụng các quỹ.

Chương V: Lập kế hoạch tài chính, thực hiện kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, quyết toán, thống kê, kiểm toán, báo cáo và công khai tài chính.

Chương VI: Tổ chức thực hiện, quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan liên quan, điều khoản thi hành và nội dung khác.

Theo quy định của Luật Báo chí, Đài Truyền hình Việt Nam được tổ chức theo mô hình đơn vị sự nghiệp, là Đài truyền hình quốc gia, cơ quan thuộc Chính phủ và theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BTC, từ năm 2009, Đài Truyền hình Việt Nam đang thực hiện cơ chế tài chính như doanh nghiệp; tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.

Nội dung cơ bản về cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam trong dự thảo Nghị định đề xuất quy định các nội dung sau: Các quy định các nguyên tắc quản lý; Quản lý vốn, tài sản của Đài Truyền hình Việt Nam; Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp; Doanh thu, chi phí; Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính, trích lập và sử dụng các quỹ; Công tác kế toán, thống kê, kiểm toán, quyết toán và công khai tài chính; Công tác lập kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện và báo cáo tài chính.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về triển khai giao diện lập trình ứng dụng mở trong ngành Ngân hàng nhằm tạo lập cơ sở pháp lý để thúc đẩy thực hiện các hoạt động ngân hàng qua phương tiện điện tử.**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết, hiện nay, chưa có chuẩn chung về hệ thống công nghệ thông tin, lưu trữ thông tin, bảo mật, kết nối..., hành lang pháp lý, chưa có quy định hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật và lộ trình triển khai Open API trong ngành Ngân hàng.

Do đó, việc ban hành Thông tư quy định về triển khai giao diện lập trình ứng dụng mở trong ngành ngân hàng là cần thiết và cấp thiết để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, đặc biệt trong việc kết nối và xử lý dữ liệu của khách hàng một cách an toàn, tạo ra những sản phẩm dịch vụ sáng tạo mới đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng.

Dự thảo Thông tư được xây dựng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tạo lập cơ sở pháp lý để thúc đẩy thực hiện các hoạt động ngân hàng qua phương tiện điện tử; cho phép các bên thứ ba truy cập thuận tiện và an toàn dữ liệu của khách hàng khi được sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu; tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng Fintech cung cấp các dịch vụ sáng tạo mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng để theo kịp với sự phát triển trên toàn thế giới về cung cấp dịch vụ ngân hàng.

Dự thảo Thông tư gồm 03 Chương, 13 Điều và 02 Phụ lục với nội dung cơ bản là quy định Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật khi triển khai Open API; Danh mục hàm API chi tiết; Quy chế khai thác chia sẻ dữ liệu; Lộ trình triển khai; Quyền và trách nhiệm của các bên trong quá trình kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu qua Open API và điều khoản thi hành.

Cụ thể, nguyên tắc cung cấp Open API là ngân hàng phải sẵn sàng cung cấp Open API cho bên thứ ba để thực hiện kết nối và xử lý dữ liệu. Việc cung cấp Open API tuân thủ theo danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật và theo danh mục hàm Open API đính kèm Thông tư.

Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật gồm tiêu chuẩn về kiến trúc, tiêu chuẩn về dữ liệu và tiêu chuẩn về an toàn thông tin.

Danh mục hàm Open API tối thiểu gồm các hàm Open API cho phép truy vấn thông tin mà ngân hàng phải công bố, công khai theo quy định của pháp luật; các hàm Open API cho phép truy vấn thông tin của khách hàng khi được sự chấp thuận của khách hàng; các hàm Open API cho phép khởi tạo lệnh thanh toán, chuyển tiền. Ngoài danh mục các hàm Open API nêu trên, ngân hàng có thể cung cấp thêm các hàm Open API theo nhu cầu thực tế...

Anh Cao - Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

Ngày 31/7/2024, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 227/KH-UBND triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc TP. Hà Nội.

Nội dung triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 gồm: Đánh giá của Hội đồng thẩm định và đánh giá qua điều tra xã hội học.

Các sở, các huyện tự đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc TP. Hà Nội giai đoạn 2024 - 2030 và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Điểm tự đánh giá của các sở, các huyện được Hội đồng thẩm định của thành phố thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh (nếu cần thiết).

Đối tượng điều tra xã hội học đối với các sở là: Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; trưởng các phòng chuyên môn, chi cục trưởng, trưởng ban thuộc các sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; người dân, doanh nghiệp. Đối với các huyện là: Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; giám đốc, thủ trưởng các sở; trưởng các phòng chuyên môn, đội trưởng Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; người dân, doanh nghiệp (hộ kinh doanh).

Kế hoạch cũng quy định rõ phương thức điều tra đối với từng đối tượng: Lấy phiếu theo phương pháp trực tuyến, trong trường hợp cần thiết có thể kết hợp triển khai theo phương pháp trực tiếp; tích hợp từ một số kết quả triển khai thực hiện về đo lường, nghiên cứu và phân tích Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, các huyện thuộc thành phố năm 2024.

Thời gian điều tra: Trong năm 2024; thực hiện thu thập thông tin với mỗi đối tượng điều tra tùy theo tình hình cụ thể của các các sở, các huyện.

Thời kỳ đánh giá: Thu thập thông tin về kết quả công tác cải cách hành chính của các sở, các huyện phát sinh từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

Nội dung Phiếu điều tra được xây dựng dựa trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần điều tra xã hội học quy định tại Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về ban hành Chỉ số cải cách hành chính của các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc TP. Hà Nội giai đoạn 2024 - 2030.

Kế hoạch cũng phân công rõ nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị. Cụ thể:

Giám đốc, Thủ trưởng các sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi, trách nhiệm của sở, huyện; xây dựng báo cáo tự đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 theo hướng dẫn của Sở Nội vụ; phân công công chức chuyên trách theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả cải cách hành chính của sở, của huyện; bố trí kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính theo quy định.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai Kế hoạch này; xây dựng văn bản hướng dẫn tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024 của các sở, các huyện; xây dựng Kế hoạch giám sát công tác điều tra xã hội học phục vụ việc xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, các huyện...

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội TP. Hà Nội chủ trì, thống nhất với Sở Nội vụ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố và tổ chức triển khai Kế hoạch điều tra xã hội học; xử lý tổng hợp dữ liệu điều tra xã hội học, tính điểm điều tra xã hội học; xây dựng Báo cáo phân tích kết quả điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, các huyện qua điều tra xã hội học và gửi về Thường trực Hội đồng thẩm định (Sở Nội vụ)...

*** Phân đấu số hóa dữ liệu hộ tịch về đích trước ngày 31/10**

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa có kế hoạch phát động phong trào thi đua cao điểm “Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kế hoạch số hóa dữ liệu hộ tịch” trên địa bàn TP. Hà Nội.

Kế hoạch nhằm tạo động lực mạnh mẽ, khí thế thi đua sôi nổi, sâu rộng, đều khắp, phấn đấu hoàn thành kế hoạch số hóa dữ liệu hộ tịch từ Sở hộ tịch vượt tiến độ đã đề ra theo chỉ đạo của Chính phủ.

Tập thể tham gia phong trào thi đua gồm: Sở Tư pháp, các tập thể có liên quan trực thuộc Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Phòng Tư pháp các quận, huyện, thị xã.

Cá nhân tham gia phong trào thi đua gồm: Công chức các đơn vị thuộc Sở Tư pháp; công chức thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; công chức Phòng Tư pháp các quận, huyện, thị xã; công chức Tư pháp - Hộ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Căn cứ kết quả triển khai phong trào thi đua, Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chủ động khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua trên địa bàn, lĩnh vực quản lý. Trên cơ sở kết quả đề nghị xét khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tặng Bằng khen cho một số tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong đợt thi đua.

Đề phong trào thi đua cao điểm “Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kế hoạch số hóa dữ liệu hộ tịch” đạt được mục tiêu xong trước ngày 31/12/2024, phấn đấu đẩy nhanh tiến độ, về đích sớm trước ngày 31/10/2024, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Trong đó, các đơn vị bắt đầu triển khai số hóa: Phòng Tư pháp chủ động, kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện quan tâm, chỉ đạo bố trí kinh phí, thực hiện việc số hóa dữ liệu hộ tịch, tranh thủ học tập kinh nghiệm các đơn vị đã thực hiện xong việc số hóa; thường xuyên báo cáo, cập nhật tiến độ thực hiện về Sở Tư pháp hằng tuần. Tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch số hóa là tiêu chí quan trọng trong việc xét khen thưởng.

Các đơn vị đã thực hiện việc nhập dữ liệu vào phần mềm 158, đang phê duyệt vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử: Tăng cường rà soát, đối chiếu bảo đảm chính xác, đầy đủ của dữ liệu đã số hóa, đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dữ liệu từ phần mềm hộ tịch 158 vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Các đơn vị đã hoàn thành việc số hóa: Có báo cáo nghiệm thu, bảo đảm chính xác, đầy đủ của dữ liệu số hóa. Chủ động phối hợp với cơ quan công an có thẩm quyền rà soát đối chiếu, xử lý dữ liệu hộ tịch đã số hóa với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy trình. Chỉ đạo cơ quan đăng ký hộ tịch khai thác, sử dụng hiệu quả, đúng quy định cơ sở dữ liệu hộ tịch h.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thực hiện số hóa sổ hộ tịch đúng tiến độ. Phối hợp với Ban thi đua - Khen thưởng thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn tổng kết đợt thi đua và khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu.

Phong trào thi đua cao điểm được thực hiện từ tháng 7 đến hết ngày 31/10/2024.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TỪ NGÀY 01/8, LÃNH ĐẠO KHÔNG NHẬN VĂN BẢN GIẤY

Kể từ ngày 01/8/2024, Thường trực Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh không tiếp nhận văn bản giấy của các đơn vị, đồng thời chuyển trả các hồ sơ điện tử không đúng thành phần.

Chỉ đạo trên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi đưa ra, nhằm tiếp tục tăng cường thực hiện nhận, gửi văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Chỉ 4 loại hồ sơ được TP. Hồ Chí Minh tiếp nhận và xử lý bằng văn bản giấy gồm: văn bản thuộc dạng mật, tối mật, tuyệt mật; văn bản bắt buộc phải gửi bản giấy theo quy định của Trung ương; hồ sơ có thành phần phức tạp, khó số hóa như bản đồ, bản vẽ thiết kế, ấn phẩm; hồ sơ liên quan đến quy hoạch, tổ chức, bộ máy, tài chính, nhân sự, chế độ chính sách đối với công chức, viên chức.

Hồi đầu năm 2024, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã yêu cầu áp dụng gửi, nhận văn bản điện tử nhưng vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện nghiêm. Có đơn vị không gửi, có đơn vị chỉ gửi tờ trình và dự thảo không gửi đủ các hồ sơ pháp lý, có đơn vị gửi kèm văn bản mật.

Điều này đã làm ảnh hưởng đến công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong điều hành, quản trị thực thi công việc cũng như mục tiêu số hóa 100% hồ sơ của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Mặt khác, năm 2024, TP. Hồ Chí Minh chọn chủ đề năm là “Quyết tâm thực hiện hiệu quả chuyển đổi số và Nghị quyết số 98/2023 của Quốc hội” nên việc gửi văn bản giấy cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện chủ đề năm.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu các sở ngành, địa phương thực hiện nghiêm và chịu trách nhiệm toàn diện về việc triển khai hiệu quả nội dung này.

Yêu cầu gửi văn bản điện tử nói trên chỉ áp dụng đối với cơ quan hành chính, còn người dân gửi văn bản giấy thì vẫn nhận bình thường.

Nguồn: tienphong.vn

SƠN LA: HUYỆN MỘC CHÂU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NHÂN DÂN

Với mục tiêu đổi mới lề lối làm việc của chính quyền cơ sở, hướng đến sự hài lòng của nhân dân, thời gian qua, huyện Mộc Châu đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, từ cải cách thể chế, tổ chức bộ máy hành chính, đến xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Phục vụ việc giải quyết các thủ tục hành chính cho Nhân dân, doanh nghiệp được nhanh chóng, thuận tiện, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các xã xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ theo hướng rõ nội dung, tiến độ hoàn thành, rõ người phụ trách. Đồng thời, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu mỗi cơ quan đơn vị vào nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính; công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhu cầu của tổ chức và người dân. Niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng, số điện thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị thủ tục hành chính.

Công khai minh bạch 100% thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Sơn La và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện đối với tổng số 299 thủ tục hành chính cấp huyện, 142 thủ tục hành chính cấp xã, 95 thủ tục hành chính của các cơ quan ngành dọc cấp huyện, cấp xã từ thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết, lệ phí thuận lợi cho tổ chức, công dân khi đến giải quyết thủ tục hành chính.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn; ban hành quyết định giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến cho các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn phủ rộng mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng, tạo môi trường thuận lợi trong công tác chuyển đổi số. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.

Đến nay, tổng số dịch vụ công trực tuyến của huyện có 295 thủ tục hành chính (trong đó có 265 dịch vụ công toàn trình, 30 dịch vụ công một phần); cấp xã có 103 thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến qua dịch vụ công đạt 84,7%. Duy trì sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản điều hành, hộp thư điện tử công vụ, hệ thống hội nghị trực tuyến 3 cấp và hoạt động của 195 tổ chuyển đổi số cộng đồng, với tổng số 1.181 thành viên.

Riêng 6 tháng đầu năm, toàn huyện đã tiếp nhận trên 58.000 hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó, đã giải quyết hơn 57.100 hồ sơ, đang giải quyết hơn 900 hồ sơ. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đã phát trên 2.100 phiếu đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; 100% những người tham gia đều đánh giá tốt đối với chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của huyện.

Cùng với đó, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai, thực hiện hiệu quả việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, đồng bộ với cải cách chế độ công vụ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hằng năm, huyện áp dụng kiểm tra, đánh giá năng lực đối với công chức theo hình thức trực tuyến.

Sử dụng phương pháp điểm số trong xét, điều động, biệt phái viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo; thực hiện điều động, bổ nhiệm cán bộ, quản lý các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo đúng theo quy định; cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ... Qua đó, góp phần chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả, thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Với những giải pháp cụ thể, cách làm sáng tạo, sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, những năm qua, huyện Mộc Châu luôn nằm trong nhóm dẫn đầu trong bảng xếp hạng chỉ số cải cách hành chính khối huyện, thành phố của tỉnh, góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nguồn: baosonla.org.vn

NAM ĐỊNH: GIẢI PHÁP TĂNG HẠNG CHỈ SỐ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

Chỉ số thành phần Xây dựng và phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử là chỉ số thành phần thứ 7 trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của cơ quan Nhà nước. Năm 2023, Chỉ số thành phần này của tỉnh Nam Định xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố, tăng 1 bậc so với năm 2022 và là năm thứ 3 liên tiếp tỉnh có tăng trưởng về chỉ số này.

Theo kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR Index 2023) do Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ công bố thì Chỉ số thành phần Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh Nam Định đạt 12,23/13,5 điểm, cao hơn 2,1% so với năm 2022, xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong chỉ số thành phần này, tỉnh Nam Định đã đạt điểm tối đa ở 9/14 phần việc gồm: Đẩy mạnh phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu; tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan Nhà nước; tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng; tỷ lệ gửi, nhận

văn bản điện tử 4 cấp chính quyền; xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh; Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; thiết lập, vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; triển khai số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đây cũng là những chỉ số cơ bản mà tỉnh Nam Định tập trung chỉ đạo hoàn thiện nhằm phát triển các ứng dụng dịch vụ trong nội bộ cơ quan Nhà nước, các nền tảng cơ sở dữ liệu đáp ứng các dịch vụ hành chính để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Có được những kết quả nổi bật nêu trên do có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trong công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính và sự “vào cuộc” tích cực của cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo các cấp, góp phần hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội đề ra. Với vai trò là đơn vị chủ trì Chỉ số thành phần Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, Sở Thông tin và Truyền thông đã rà soát thực trạng triển khai của những năm trước để phát huy những kết quả tích cực và tìm giải pháp quyết liệt khắc phục những chỉ số thành phần chưa đạt điểm tối đa. Trong đó, nội dung phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan Nhà nước phục vụ người dân, doanh nghiệp được tập trung cao độ với việc đẩy nhanh tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình lên Cổng dịch vụ công quốc gia để cơ quan quản lý Nhà nước, người dân, doanh nghiệp dễ dàng giải quyết các thủ tục hành chính. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương, các đơn vị chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông để triển khai thực hiện tốt 14 chỉ tiêu được giao về chỉ số thành phần này. Nổi bật là việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc trong gửi nhận văn bản điện tử và giải quyết hồ sơ công việc trên môi trường mạng; vận hành Hệ thống thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đạt hiệu quả cao với tỉ lệ số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Đặc biệt, khối các địa phương đã có những chuyển biến tích cực trong việc thực hiện Chỉ số thành phần Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính Nhà nước; triển khai đồng bộ và có hiệu quả cao các giải pháp trong công tác quản lý điều hành, gửi nhận văn bản và giải quyết thủ tục hành chính, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chỉ số của toàn tỉnh. Trong đó, huyện Xuân Trường đã đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu thành phần lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số đạt 98,5% số điểm tuyệt đối, tăng 34,2% so với năm 2022 và bứt phá ngoạn mục từ đứng thứ 8 lên xếp thứ 2 toàn tỉnh Nam Định.

Bên cạnh đó, có 5/14 chỉ tiêu của tỉnh tuy chưa đạt điểm tối đa nhưng đều cao hơn so với năm 2022, cụ thể như việc cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử; việc đưa vào sử dụng chính thức các dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia còn hạn chế; chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh chưa được đánh giá ở mức tuyệt đối; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và thực hiện thanh toán trực tuyến còn thấp; triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và kết nối với Hệ thống điện toán đám mây của Chính phủ.

Với trách nhiệm của đơn vị chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Chỉ số thành phần Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong CCHC cấp tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã bám sát các Kế hoạch số 167/KH-UBND, Kế hoạch số 168/KH-UBND cùng ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính Nhà nước tỉnh năm 2024; chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024 để tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao, cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tập trung thực hiện các giải pháp để tiếp tục giữ vững thứ hạng nêu trên. Trong đó, 9 chỉ số đã đạt điểm tối đa cần tiếp tục duy trì và tiếp tục nâng cấp đảm bảo tính bền vững.

Đối với 5 chỉ số chưa đạt điểm tối đa thì tập trung vào một số nhiệm vụ: Thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác, ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu và có chỉ dẫn rõ ràng để thuận tiện tra cứu theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP. Nâng cao hiệu quả chuyên mục trao đổi, hỏi đáp đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời tiếp nhận và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, các sở, ngành địa phương rà soát đăng ký dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo đúng quy định. Tăng cường tập huấn cho cán bộ phụ trách thu phí, lệ phí tại Bộ phận “một cửa” để hướng dẫn, hỗ trợ công dân, doanh nghiệp đến giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thanh toán trực tuyến tiện lợi hiệu quả. Chủ động rà soát, phối hợp với các cơ quan có các dịch vụ dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia thực hiện kết nối, chia sẻ và đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

Cập nhật kịp thời khi có sự thay đổi các nền tảng, cơ sở dữ liệu: Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, nền tảng LGSP, nền tảng điện toán đám mây; tiếp tục phối hợp bám sát Văn phòng Chính phủ để kết nối. Bên cạnh giải pháp chuyên môn thì hàng tuần, Sở Thông tin và Truyền thông đều có văn bản thông báo kết quả và đôn đốc, nhắc nhở các sở, ngành, địa phương để kịp thời chấn chỉnh và chủ động phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống truyền thanh cơ sở, thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

Những giải pháp đồng bộ thể hiện quyết tâm hành động của Sở Thông tin và Truyền thông cùng các sở, ngành, địa phương trong tỉnh tiếp tục duy trì và tăng hạng Chỉ số Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm mang lại sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, nâng cao thứ hạng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Nguồn: baonamdinh.vn

THANH HÓA: BƯỚC TIẾN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị được duy trì bảo đảm phục vụ tốt công tác chuyên môn, chuyển đổi số; 100% hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc chuyển đổi sang sử dụng IPv6; toàn tỉnh công nhận 60 đơn vị cấp xã hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số, tăng 1,6 lần so với năm 2023, nâng tổng số xã hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số lên 95 đơn vị; tỷ lệ doanh nghiệp chuyển đổi số trên tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế đạt 29,65%, tăng 3,85% so với năm 2023... là những kết quả nổi bật tỉnh Thanh Hóa đạt được trong thực hiện công tác chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024.

Quyết tâm thực hiện phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động, 6 tháng đầu năm 2024, các cấp, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số, nhằm hoàn thiện hạ tầng số, phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính...

Toàn tỉnh Thanh Hóa tiếp tục duy trì hoạt động của Cổng dữ liệu mở của tỉnh với 250 cơ sở dữ liệu mở của 15 lĩnh vực; cung cấp 1.711 dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó có: 982 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 720 dịch vụ công trực tuyến một phần; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 91,31%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 93,97%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 50,41%; số lượt khai thác tài liệu từ kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia là 941.645 lượt.

Với việc triển khai quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm công tác chuyển đổi số, trọng tâm là 3 lĩnh vực chính quyền số, kinh tế số, xã hội số 6 tháng đầu năm đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn.

Việc trao đổi và xử lý văn bản hồ sơ liên thông trên môi trường mạng được duy trì ở cả 3 cấp và thực hiện trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp. Với tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản trên hệ thống là 2.331.633 lượt văn bản; tỷ lệ ký số cơ quan đạt 99% đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền; nâng cao hiệu quả trong công tác phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hệ thống phần mềm Phản hồi Thanh Hóa đã tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân với tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt trên 92% (đã tiếp nhận 320 phản ánh, kiến nghị; đã xử lý 294 phản ánh, kiến nghị và 26 phản ánh, kiến nghị đang trong quá trình xử lý đúng thời gian quy định).

6 tháng đầu năm 2024, toàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực nhằm tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của các ngành, các sản phẩm góp

phần thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh Thanh Hóa. Việc triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền chống thất thu thuế, thất thu ngân sách đã có 54.620 doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền với hơn 342,78 triệu hóa đơn; hỗ trợ đưa 429 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP và sản phẩm đặc trưng của các huyện lên sàn thương mại điện tử...

Nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, tỉnh Thanh Hóa cũng tổ chức nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư nhằm kêu gọi các nhà đầu tư, nhất là liên quan về lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi, trí tuệ nhân tạo... Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đến 100% trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Các ngân hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, như: VNPT, Viettel, Mobile đã phối hợp với tổ công nghệ cộng đồng để triển khai hướng dẫn cho người dân, các tiêu chuẩn cài đặt, sử dụng các dịch vụ số 4.0...

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực, song công tác chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Đối với những thủ tục hành chính nằm trong danh mục các thủ tục hành chính thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các thông tin cá nhân như: Số điện thoại, ngày cấp căn cước công dân, ngày/tháng/năm sinh của cha/mẹ chưa được chia sẻ từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khiến tổ chức/công dân khi thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phải nhập thủ công, gây mất thời gian và dễ xảy ra sai sót. Việc số hóa tài liệu, kết nối và chia sẻ dữ liệu của các ngành còn rời rạc; chưa hình thành được kho dữ liệu số của tỉnh để thực hiện quản trị và khai thác; việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Trung ương và địa phương còn khó khăn như cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu đất đai...

Đến nay, toàn tỉnh Thanh Hóa vẫn còn 2 thôn lờm sống thông tin di động; 11 thôn chưa có hạ tầng internet băng rộng; 30.891 hộ chưa có điện thoại thông minh (chiếm tỷ lệ 31,79%) do đó việc các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin và sử dụng thiết bị thông minh gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh còn thấp. Các chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số cấp xã chưa có trong hệ thống chỉ tiêu theo dõi chuyên ngành nên khó khăn cho các cơ quan chức năng thẩm tra trình công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã...

Xác định tập trung chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, toàn tỉnh phấn đấu hết năm 2024 có 200 đơn vị cấp xã hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số; có 40% doanh nghiệp chuyển đổi số trên tổng số doanh nghiệp có phát sinh thuế; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số... 6 tháng cuối năm 2024, tỉnh Thanh Hóa sẽ tập trung triển khai hiệu quả các mô hình, nền tảng số, đặc biệt tham mưu thúc đẩy chuyển đổi số ngành, lĩnh vực và chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GRDP của tỉnh...

Nguồn: baothanhhoa.vn

ĐẮK NÔNG: QUYẾT TÂM, CẢI THIỆN CÁC CHỈ SỐ

Ngày 31/7/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tổ chức Hội nghị đánh giá công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chuyển đổi số năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024.

Năm 2023, tỉnh Đắk Nông là tỉnh duy nhất đại diện cho khu vực Tây Nguyên nằm trong top 30 của Chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2023, đứng thứ 21/63 cả nước; tăng 17 bậc so với năm 2022.

Điểm thực hiện cải cách hành chính của tỉnh Đắk Nông tăng 2,91 điểm so với năm 2022, xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố. Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước tăng hơn so với năm 2022.

Đối với công tác chuyển đổi số, đến nay tỉnh đã thực hiện kết nối thành công 478 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai thực hiện 25/25 thủ tục hành chính thiết yếu theo Đề án 06.

Bên cạnh kết quả đạt được, một số chỉ số nội dung của Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng về sự phục hành chính, Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 giảm điểm và thứ hạng.

Nguyên nhân chủ yếu việc chấp hành kỷ luật kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức chưa nghiêm; tình trạng công chức gây phiền hà, sách nhiễu còn xảy ra.

Các sở, ban, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc trả lời văn bản yêu cầu của tổ chức, cơ quan báo chí, doanh nghiệp và người dân đề nghị cung cấp thông tin còn tồn đọng kéo dài.

Tình trạng trễ hẹn giải quyết hồ sơ vẫn tập trung vào lĩnh vực đất đai; việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa có nhiều chuyển biến tích cực về số lượng...

Hội nghị đã tập trung thảo luận cụ thể về những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của tỉnh và kiến nghị những giải pháp trong thời gian tới.

Kết luận hội nghị, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông Hồ Văn Mười nhấn mạnh, chuyển đổi số phải được thực hiện xuyên suốt ở tất cả các sở, ngành, địa phương.

Lãnh đạo các sở, ngành, địa phương nhất là người đứng đầu cần tăng cường nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số tới từng người dân, doanh nghiệp.

Các cơ quan, đơn vị thường xuyên kiểm tra công vụ, phát hiện, xử lý kịp thời những tồn tại, hạn chế, vi phạm; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số.

Công tác khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình cũng như đề xuất xử lý trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân sai phạm, không chủ động triển khai nhiệm vụ được giao hoặc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm...

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị các sở, ngành, địa phương nắm chắc những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Từ đó, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Sở Thông tin và Truyền thông cần quyết liệt, nhanh chóng đề xuất thực hiện phủ sóng bảo đảm an toàn an ninh mạng, góp phần tăng điểm cho chỉ số này.

Giám đốc các sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm toàn bộ triển khai các dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo những nhiệm vụ làm được.

Nguồn: baodaknong.vn

PHÚ YÊN: CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thời gian qua, công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh có những cải thiện đáng kể, vượt bậc.

Tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt cao

Giám đốc Sở Nội vụ Trương Ngọc Tuấn cho biết, cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã giúp hoàn thiện các quy trình thủ tục phục vụ người dân.

Theo đó, 2023 là năm đầu tiên trong 5 năm gần đây tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt trên 95% đối với cả ba cấp tỉnh, huyện và xã. Số thủ tục hành chính được công khai đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 100%. Đây là một nội dung tích cực và đáng ghi nhận về sự nỗ lực của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Theo Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Lê Tỷ Khánh, hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước đã được triển khai đến 100% đơn vị cấp xã; từng bước đáp ứng tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, cải cách hành chính, đảm bảo liên thông văn bản điện tử 4 cấp; 100% đơn vị sở, ngành, huyện, xã triển khai phần mềm quản lý tài chính kế toán, hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

Đồng thời, triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến liên thông đến cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính giúp rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã đáp ứng việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; đã kết nối với nền tảng thanh toán tập trung trên Cổng dịch vụ công quốc gia, triển khai thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ công trực tuyến mức toàn trình của tỉnh có phí, lệ phí.

Theo ông Phan Tấn Hình, phường 9, TP. Tuy Hòa, việc thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính đã tạo thuận lợi thiết thực cho doanh nghiệp và người dân, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa. “Hiện nay chỉ cần chiếc máy tính xách tay hay điện thoại thông minh là có thể gửi hồ sơ trực tuyến và nhận kết quả tại nhà. Điều này giúp ích cho người dân rất nhiều, vừa giảm thời gian, công sức đi lại, vừa giảm được chi phí”, ông Hình tâm đắc.

Còn nhiều việc phải làm

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, bên cạnh những kết quả đạt được thì nhiều tồn tại, hạn chế vẫn còn chậm khắc phục. Cụ thể là việc công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính chậm, chưa đảm bảo quy định. Việc triển khai trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây chưa hoàn thành.

Thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình mới đạt 30,83% (trung bình cả nước 54,54%). Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến là 44,55% (trung bình cả nước 48,62%). Tỷ lệ hồ sơ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh là 90,2%, chưa đạt theo yêu cầu của Chính phủ (trong năm 2024 là 100%)...

Để khắc phục những khó khăn và tồn tại, hạn chế trên, theo Giám đốc Sở Nội vụ Trương Ngọc Tuấn, trong thời gian đến, sở tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc các cơ quan, địa phương triển khai có hiệu quả lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính. Tiếp tục đẩy mạnh, đôn đốc các cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính hằng năm trên địa bàn tỉnh, tạo sự thống nhất, đồng đều trong triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương.

Đồng thời tiếp tục đổi mới phương thức đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính thông qua việc ứng dụng phần mềm điện tử vào định lượng kết quả hoạt động các cơ quan, đơn vị; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, địa phương thuộc đối tượng kiểm tra xử lý, khắc phục triệt để 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra theo quy định.

Còn theo Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đặng Hồng Lĩnh, để làm tốt công tác giải quyết thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số cần nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và của cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách thủ tục hành chính.

Việc chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính phải quyết liệt, sâu sát có trọng tâm, trọng điểm, “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; coi trọng vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, nhất là kiểm tra, giám sát đột xuất việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên Lê Tấn Hồ đề nghị thủ trưởng các sở, ban ngành, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tăng cường chỉ đạo cải cách hành chính; đánh giá thường xuyên kết quả đạt được, kịp thời khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đồng thời tập

trung nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thực chất, cải thiện mức độ hài lòng của người dân trong giải quyết thủ tục hành chính.

Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cũng yêu cầu các sở, ban ngành, địa phương chủ động nghiên cứu, tích cực đề xuất những sáng kiến, giải pháp, nhân rộng những cách làm hay để đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh...

“Các cơ quan, đơn vị cần có quyết tâm trong đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy nhanh việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm việc báo cáo giải trình của người đứng đầu, xin lỗi người dân, doanh nghiệp và kịp thời khắc phục đối với trường hợp để xảy ra tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn, tiêu cực trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính”, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên Lê Tấn Hồ cho biết.

Nguồn: baophuyen.vn

BÌNH THUẬN: CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở HUYỆN HÀM TÂN

Chuyển đổi số cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng được huyện Hàm Tân (tỉnh Bình Thuận) tập trung triển khai thực hiện, qua đó góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Hệ thống truyền dẫn cáp quang, mạng Internet băng rộng di động 3G, 4G và cố định tại huyện Hàm Tân hiện đã phủ đến 10/10 xã - thị trấn, ngoài ra còn có mạng lưới điểm phục vụ với gần 50 cơ sở kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông. Thực tế cho thấy, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang cũng bao phủ tới 90% hộ gia đình, trường học, bệnh viện và dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 70%, trong khi người dân từ 18 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử đạt hơn 68%... Đối với các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân đều có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao và 100% cán bộ từ cấp huyện đến cấp xã đều được trang bị máy tính phục vụ hoạt động chuyên môn. Nhờ đó tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng dùng chung của tỉnh, nền tảng quốc gia đã được triển khai và đưa vào sử dụng. Bao gồm: Phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm khám - chữa bệnh, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, quản lý hộ tịch, phần mềm một cửa, dịch vụ công...

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và Chuyển đổi số huyện Hàm Tân còn tham mưu triển khai thí điểm chính quyền số tại một số địa bàn cơ sở (xã Tân Đức, thị trấn Tân Minh), hay như thí điểm mô hình “café công dân số”. Thông qua đó tuyên truyền, hướng dẫn người dân tích cực tham gia chuyển đổi số cũng như thực hiện các thủ tục hành chính một

phần, toàn trình trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, thanh toán hóa đơn điện tử và các tiện ích khác trên môi trường số. Đồng thời, tăng cường truyền thông, giới thiệu ứng dụng trên nền tảng số để người dân tương tác với chính quyền các cấp trên thiết bị di động thông minh nhằm cải thiện, nâng cao chỉ số xếp hạng cấp tỉnh (như Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính...). Thực hiện chuyển đổi số, huyện Hàm Tân cũng đang tiến hành đăng ký sản phẩm OCOP, sản phẩm đặt trưng của địa phương để hỗ trợ đưa lên các sàn thương mại điện tử, tạo thuận lợi cho cơ sở sản xuất - kinh doanh ổn định đầu ra và mở rộng kênh tiêu thụ...

Đặc biệt về nhân lực số, hiện các cơ quan và địa bàn cơ sở nơi đây đều bố trí lãnh đạo, chuyên viên phụ trách tham mưu công tác chuyển đổi số tại đơn vị mình, tiếp tục duy trì 53/53 Tổ công nghệ số cộng đồng với gần 160 thành viên tại thôn - khu phố. Cùng với đó quan tâm phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực làm sạch dữ liệu đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống để kết nối, đồng bộ, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Mặt khác còn hoàn thiện việc sử dụng các phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tập huấn đưa vào sử dụng phần mềm Bình Thuận egov.vn và phần mềm Công dân số Bình Thuận (phản ánh hiện trường)...

Theo Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và Chuyển đổi số huyện Hàm Tân thì kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước. Và nhờ đó cũng thúc đẩy cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin, phục vụ chỉ đạo điều hành cũng như phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn... Tới đây công tác này sẽ được địa phương tiếp tục chú trọng triển khai và bố trí nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị số gắn với khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Tại huyện Hàm Tân, đến nay việc triển khai cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc cho máy trạm, máy chủ của các cơ quan, đơn vị, địa phương cơ bản đã thực hiện hoàn thành (371/371 máy được cài đặt). Ngoài ra, 11/11 hệ thống thông tin của huyện cũng thực hiện khai báo trên nền tảng quản lý cấp độ do Cục An ninh mạng triển khai (gồm 1 hệ thống cấp độ 2 và 10 hệ thống cấp độ 1)...

Nguồn: baobinhthuan.com.vn

LÂM ĐỒNG: NHIỀU HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sở Nội vụ cho biết, tỉnh Lâm Đồng đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền công tác cải cách hành chính từ đầu năm 2024 đến nay.

Bên cạnh công tác tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh Lâm Đồng, triển khai các nội dung tại các cuộc họp cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành,

đơn vị, địa phương của tỉnh; ngành chức năng tỉnh cho đăng tải nội dung Bản tin cải cách hành chính của Chính phủ và các thông tin liên quan trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, trên hệ thống Chính phủ điện tử (Egov).

Qua đó, tỉnh Lâm Đồng cũng duy trì chuyên mục đường dây nóng tại địa chỉ duongdaynong.lamdong.gov.vn trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng, hoạt động thông suốt 24/24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để tiếp nhận thông tin do người dân, do anh nghiệp phản ánh cũng như đăng tải kịp thời, đầy đủ thông tin phản hồi, phúc đáp của các cơ quan, địa phương về việc giải quyết các thông tin được phản ánh, kiến nghị.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, ngành chức năng tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức 5 chương trình truyền hình trực tiếp “Đối thoại về cải cách hành chính” giữa người dân và lãnh đạo các sở, ban, ngành và 5 Chương trình “Cải cách để nâng cao sự hài lòng của người dân” tại các địa phương trong tỉnh.

Nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong 6 tháng đầu năm nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã định kỳ tổ chức 5 buổi tiếp và làm việc với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh có khó khăn, vướng mắc cần được giải quyết. Sau các buổi tiếp, làm việc; Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã giao các sở, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện trả lời, giải quyết các kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Nguồn: baolamdong.vn

AN GIANG: TẠO SỰ HÀI LÒNG NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Mặc dù các ngành, địa phương đã nỗ lực cải cách hành chính, nhưng kết quả các Chỉ số cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2023 của tỉnh thấp và giảm hạng so các năm. Do đó, đòi hỏi các ngành, các cấp phải nỗ lực, quyết tâm hành động, để Chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2024 được cải thiện, tạo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trương Long Hồ phân tích: “Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh gồm 8 lĩnh vực, 37 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần. Tỉnh An Giang có trên 40/61 tiêu chí thành phần đạt điểm tối đa (trên 65,6%), nhưng có 21/61 tiêu chí thành phần mất điểm, nhiều nhất là: Cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

Đơn cử như, sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính, Bộ Nội vụ thẩm định công nhận 2/8 sáng kiến, giải pháp tỉnh đề xuất. Trong đối thoại của lãnh đạo tỉnh An Giang với người dân, doanh nghiệp, Bộ Nội vụ cho rằng, một số hội nghị đối thoại không phải do lãnh đạo tỉnh chủ trì, đối tượng tiếp xúc, đối thoại phải là người dân, doanh nghiệp và do lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chủ trì, để tháo gỡ, giải quyết vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách ở lĩnh vực, chuyên đề cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh

doanh, chứ không phải tiếp xúc đại trà. Trong thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tỉnh An Giang được giao 157 nhiệm vụ, có 18 nhiệm vụ tỉnh hoàn thành muộn so thời hạn quy định, 11 nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành.

Tỉnh An Giang cũng mất điểm trong công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của địa phương; tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập; chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các kiến nghị sau thanh, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách...

Điểm khảo sát Chỉ số hài lòng của người dân thấp hơn mức bình quân cả nước. Kết quả đánh giá tác động của cải cách hành chính đến phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh An Giang bị mất điểm do chưa đạt ở 3 tiêu chí về: Số vốn đăng ký của doanh nghiệp, thu ngân sách và mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của một bộ phận cán bộ, công chức chưa tốt, sai phạm đến mức bị xử lý kỷ luật về mặt Đảng và chính quyền.

Thiếu giải pháp, sáng kiến, mô hình cải cách hành chính hiệu quả để áp dụng. Việc triển khai quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính dù tích cực triển khai, nhưng còn nhiều hạn chế: Thiếu trang thiết bị số hóa; quy trình số hóa chưa đảm bảo... Một bộ phận cán bộ, công chức chưa quan tâm, quyết liệt trong đẩy mạnh cải cách hành chính, kết quả khảo sát xã hội học của tỉnh An Giang dành cho đối tượng cán bộ, công chức (qua các năm đều đạt kết quả thấp, tác động tiêu cực, giảm chỉ số và thứ hạng cải cách hành chính của tỉnh).

BS. CKII. Đoàn Thanh Hùng, Phó Giám đốc Sở Y tế An Giang cho biết: “Sở Y tế đã chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Y tế tạo nền tảng Chính phủ điện tử và thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính trong công tác quản lý. Đến tháng 12/2023, cơ sở dữ liệu ngành Y tế đã kết nối tập trung các nhóm dữ liệu quan trọng phục vụ cải cách hành chính, nền tảng tích hợp phân tích dữ liệu ngành Y tế, như: Khám, chữa bệnh; thông tin y tế; thống kê dân số; pháp y và giám định y khoa...”

Tổng hợp các nguồn thông tin, dữ liệu quan trọng của ngành Y tế, cung cấp bức tranh tổng thể phục vụ nhu cầu điều hành quản lý của lãnh đạo các cấp; dữ liệu trực tuyến (kết nối API) đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” và hiện đại hóa công tác quản lý của ngành, hạn chế giấy tờ hành chính trong báo cáo tổng hợp số liệu thủ công...”.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Phú Lê Thanh Phương cho biết: “Ngoài vận dụng các mô hình, sáng kiến đã được công nhận, các xã, thị trấn triển khai, vận dụng mô hình, sáng kiến mới, như: Hỗ trợ công dân thực hiện dịch vụ công quốc gia trong giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến và trả kết quả đến nhà cho công dân; hỗ trợ công dân tạo tài khoản cá nhân; ngày không viết, ngày không hẹn tại Bộ phận Trả kết quả; ứng dụng mã QR niêm yết, tra cứu thủ tục hành chính, nộp hồ sơ trực tuyến... Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, xã, thị trấn hoạt động hiệu quả, chất lượng càng cao, số lượng hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ cao... tạo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp”.

Để khắc phục tồn tại, hạn chế, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Từng ngành, từng cấp phát huy tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu, vận dụng, áp dụng các giải pháp cải cách hành chính hiệu quả; khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong giải quyết công việc... góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: baoangiang.com.vn

TRÀ VINH: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, GÓP PHẦN NÂNG THỨ HẠNG CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Cải cách hành chính là mục tiêu quan trọng của Đảng và Nhà nước nhằm tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, minh bạch, giảm thiểu chi phí thời gian và kinh phí của doanh nghiệp, tuân thủ hành chính, xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính Nhà nước từ trung ương đến cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Từ đó, ngày 15/7/2021, Chính phủ ra Nghị quyết số 76/NQ-CP ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 nhằm mục tiêu tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân. Để đánh giá khách quan về cải cách hành chính, Chính phủ đã sử dụng các chỉ số đánh giá như: Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số năng lực cạnh tranh để thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Trong đó, cấu trúc Chỉ số cải cách hành chính có 08 lĩnh vực để đánh giá, với 37 tiêu chí, 88 tiêu chí thành phần.

Xác định vị trí và tầm quan trọng của Chỉ số cải cách hành chính, có tác động mạnh mẽ đến Chỉ số năng lực cạnh tranh, năm 2023 là năm thứ hai triển khai, thực hiện Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022 - 2030, với sự nỗ lực quyết tâm của các ngành, các cấp, Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Trà Vinh tăng 02 bậc, xếp thứ hạng 48/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và hạng 07/13 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Nhìn chung, kết quả cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Trà Vinh có những chuyển biến tích cực; số điểm, thứ hạng đều tăng so với năm 2022. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính hằng năm đã trở thành công cụ quản lý quan trọng, giúp xác định rõ ưu điểm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị. Từ đó, khắc phục hạn chế, phát huy những mặt tích cực.

Với những kết quả đạt được về cải cách hành chính của năm 2023, Sở Nội vụ đề ra các giải pháp cho năm 2024. Trong đó, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Chương trình số 12-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về cải cách hành chính. Từ đó, kết quả thực hiện khắc phục các tiêu chí chỉ số được xem là một trong các tiêu chí xem xét, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu.

Theo lãnh đạo Sở Nội vụ, trong 06 tháng đầu năm 2024, Sở phối hợp triển khai thực hiện tốt các mục tiêu Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND về kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2024; Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 về việc ủy quyền quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý và sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 17/01/2024 về Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh năm 2024; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 ban hành Kế hoạch Phát triển hạ tầng số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 19/01/2024 về theo dõi thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực trọng tâm năm 2024 trên địa bàn tỉnh... Ban hành các kế hoạch chỉ đạo khắc phục hạn chế, khuyết điểm, nâng cao kết quả đánh giá các chỉ số liên quan đến cải cách hành chính.

Theo đó, Sở ban hành 23 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ. Tổng số văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính được công bố 119; tổng số thủ tục hành chính /danh mục thủ tục hành chính được công bố 359 thủ tục hành chính (công bố mới 250, công bố bãi bỏ 109), được công khai 359 thủ tục hành chính; tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của tỉnh đến cuối tháng 6/2024 là 1.831 thủ tục hành chính. Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh là 1.831; trong đó, số thủ tục hành chính do Trung ương quy định là 1.831 thủ tục hành chính.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 01 Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Bộ phận Một cửa của 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 02 ngành dọc Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh), 02 Trung tâm hành chính công cấp huyện (Cầu Ngang và TP. Trà Vinh), 04 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 07 huyện, thị xã, 106 xã, phường, thị trấn thành lập bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Sở đã tích hợp dịch vụ công của tỉnh Trà Vinh trên cổng dịch vụ công quốc gia có 1.788 thủ tục

hành chính được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, tích hợp 1.130 dịch vụ công trực tuyến lên cổng dịch vụ công quốc gia (dịch vụ công trực tuyến một phần là 29,64%, dịch vụ công trực tuyến toàn trình 33,56%).

Trong 06 tháng đầu năm 2024, tỉnh Trà Vinh đã tiếp nhận 34 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên hệ thống cổng dịch vụ công quốc gia, đã xử lý xong 100%; ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính kịp thời, phù hợp với thực tế của địa phương; công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính gắn với phổ biến, giáo dục pháp luật được chú trọng và quan tâm thực hiện, góp phần từng bước cải thiện chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo tăng cường giải pháp sáng kiến công tác cải cách hành chính, một số mô hình đã đạt hiệu quả. Kết quả thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa đáp ứng các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Công tác thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện tốt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Với những kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm 2024, từ nay đến cuối năm, Sở Nội vụ đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải cách hành chính năm 2024, các kế hoạch liên quan đến nhiệm vụ cải cách hành chính như: kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính... Tiếp tục kiểm tra công vụ, kiểm tra nội vụ, thanh tra theo kế hoạch đề ra. Kịp thời rà soát, đơn giản hóa, công bố thủ tục hành chính theo đúng quy định. Theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, hạn chế tối đa tình trạng giải quyết trễ hạn. Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Nguồn: baotravinh.vn

CÀ MAU: RÕ NGƯỜI, RÕ VIỆC, RÕ THỜI GIAN

“Việc cải cách hành chính cần rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm... để dễ kiểm tra, dễ đánh giá, dễ thúc đẩy, khơi thông nguồn lực đất nước”, đây là yêu cầu được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhắc lại nhiều lần trong các cuộc họp liên quan đến công tác cải cách hành chính với các địa phương.

Theo đó, trong chỉ đạo về cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Văn Bi yêu cầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương) trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nói chung và Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Cà Mau nói riêng. Phấn đấu năm 2024, các lĩnh vực đánh giá, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về

sự phục vụ hành chính được cải thiện so với kết quả đã đạt được năm 2023; tăng điểm của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm hoặc đạt điểm chưa cao.

Năm 2023, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Cà Mau đạt 86,89%, xếp hạng 34/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 1,16% nhưng giảm 4 bậc so với năm 2022); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đạt 84,14%, xếp hạng 18/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (giảm 1,53%, giảm 15 bậc so với năm 2022). Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu cải thiện Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nội dung lĩnh vực được phân công cần tham gia, vào cuộc quyết liệt hơn nữa đối với công tác cải cách hành chính của tỉnh nhằm tạo sự chuyển biến đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực.

Tại Sở Thông tin và Truyền thông, với nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, năm 2024, đơn vị quyết tâm phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu đạt 3,5 điểm (điểm chuẩn) và duy trì phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan Nhà nước đạt 3 điểm (điểm chuẩn). Để đạt kết quả này, đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, phiên bản 3.0 hướng tới Chính quyền số, đảm bảo phù hợp với khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số; theo dõi, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo theo mô hình kiến trúc đã được phê duyệt. Tiếp tục đầu tư mở rộng năng lực cho Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây. Đồng thời, chủ động rà soát, tích cực phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn triển khai kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (sau khi nền tảng này đưa vào vận hành) theo quy định. Tiếp tục triển khai xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dịch vụ dữ liệu mở (Open Data) của tỉnh Cà Mau. Thông qua Open Data của tỉnh, các ứng dụng, hệ thống thông tin có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng, chia sẻ qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP). Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện hoàn thành kết nối dịch vụ của tỉnh có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành khác với Trục LGSP của tỉnh phục vụ khai thác sử dụng của các cơ quan Nhà nước trong tỉnh. Đồng thời, rà soát các dịch vụ hoàn thành kết nối đưa vào sử dụng chính thức có phát sinh giao dịch.

Đối với phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan Nhà nước, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Trần Văn Trung, cho biết, đơn vị tiếp tục phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng đầy đủ về tính năng sử dụng; tích hợp, kết nối, liên thông dữ liệu từ Trung ương đến địa phương. Bảo đảm duy trì điểm tối đa đối với tiêu chí “Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng”.

Năm 2023, Chỉ số thành phần “Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số” của tỉnh Cà Mau tăng chỉ số (tăng 11,71% so với năm 2022) và tăng vị trí xếp hạng (tăng

25 bậc so với năm 2022), xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn 2 tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa. Cụ thể, tiêu chí “Triển khai trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây” chỉ đạt 0.5/1 điểm, lý do là nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ vẫn chưa vận hành, chưa sẵn sàng kết nối. Tại tiêu chí “Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức” chỉ đạt 0.5882/1 điểm, lý do là theo số liệu Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định năm 2023, tỉnh Cà Mau có 10/17 dịch vụ có kết nối chính thức (có phát sinh dữ liệu giao dịch), đạt 58,82%.

Phó giám đốc Sở Tư pháp Phạm Quốc Sử cho biết, đối với đơn vị, năm 2024, phấn đấu tăng chỉ số 2% và tăng 20 bậc xếp hạng đối với Chỉ số Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật. “Đánh giá tình hình theo dõi thi hành pháp luật, phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong công tác theo dõi thi hành pháp luật, từ đó ban hành các giải pháp thi hành luật phù hợp với các điều kiện thực tiễn của địa phương để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc”, ông Phạm Quốc Sử thông tin về giải pháp nâng cao công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn, đồng thời cho biết sẽ tăng cường kiểm tra để kịp thời phát hiện những hạn chế, tồn tại và có hướng xử lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Đối với công tác tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát; hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024; theo chức năng, nhiệm vụ, đơn vị chủ động thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật (rà soát thường xuyên), đồng thời thực hiện hiệu quả rà soát theo chuyên đề, định kỳ; kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý những văn bản không còn phù hợp, hết hiệu lực thi hành đảm bảo đúng thời hạn và đạt chất lượng.

“Thực hiện hiệu quả những nội dung trên là nhằm làm tốt công tác tham mưu, bảo đảm kịp thời, đúng quy trình, tiến độ và đạt chất lượng ban hành, thi hành các văn bản quy phạm pháp luật. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý Nhà nước về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản, theo dõi thi hành pháp luật”, ông Phạm Quốc Sử nêu yêu cầu của ngành.

“Trong thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải cách thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải phân định rõ các bước trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành. Thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa các cấp; mạnh dạn thay đổi những công chức, viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân. Tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chậm xử lý giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; xử lý, kiến nghị xử lý các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có sai phạm trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính”, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Lâm Văn Bi nhấn mạnh.

Nguồn: baocantau.vn

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

Văn bản hành chính là văn bản hình thành trong quá trình chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc của các cơ quan, tổ chức(1). Văn bản hành chính là phương tiện không thể thiếu để các cơ quan, tổ chức truyền đạt các thông tin quản lý và ban hành các quyết định quản lý. Văn bản hành chính cũng là sản phẩm phản ánh kết quả hoạt động của của cơ quan, tổ chức nói chung, của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức nói riêng.

Một văn bản hành chính được ban hành có chất lượng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành văn bản; phù hợp với hệ thống luật pháp nói chung, văn bản là cơ sở pháp lý trực tiếp đối với nội dung của văn bản hành chính nói riêng. Văn bản được ban hành phải xuất phát từ nhu cầu, yêu cầu thực tế của cơ quan, của địa phương hoặc của ngành; văn bản sau khi được ban hành, tổ chức thực hiện phải có tính khả thi và mang lại hiệu lực, hiệu quả trong quản lý. Nội dung văn bản phụ thuộc vào trình độ, kỹ năng quản lý, điều hành, giải quyết công việc của người soạn thảo văn bản và hệ thống quản lý của cơ quan, tổ chức. Văn bản hành chính phải có bố cục rõ ràng, chặt chẽ; ngôn ngữ sử dụng trong văn bản phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu. Văn bản hành chính phải được trình bày về thể thức và kỹ thuật theo quy định thống nhất của Chính phủ.

Phương pháp sử dụng, diễn đạt ngôn ngữ

Thứ nhất, tính chính xác, phổ thông. Ngôn ngữ trong văn bản hành chính là tiếng Việt phải chính xác, phổ thông. Người soạn thảo văn bản phải sử dụng từ ngữ, câu văn xác định chính xác nội dung muốn truyền đạt. Ngôn ngữ văn bản chính xác có ảnh hưởng sâu sắc tới chất lượng văn bản và hiệu lực, hiệu quả quản lý, chỉ đạo, giải quyết công việc. Xác định đúng những nội dung cần thiết cần phải trình bày trong văn bản sẽ góp phần quan trọng để văn bản đạt được đầy đủ mục đích ban hành đã được định hướng.

Phương pháp này yêu cầu văn bản phải phản ánh đúng tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức; địa phương; trong phạm vi cả một ngành, rộng hơn nữa là của cả đất nước. Nếu văn bản là báo cáo sơ kết, tổng kết thì nội dung phải đúng với thực tế, số liệu phải chính xác, không được thêm bớt. Nhận xét, kết luận trong văn bản cần được thể hiện khách quan, trung thực. Nếu văn bản quy định về một chế độ, một chính sách thì chế độ, chính sách đó phải đúng đắn, phù hợp với các văn bản hiện hành của Nhà nước, phù hợp với nguyện vọng của đối tượng được thụ hưởng và của đối tượng chịu sự tác động.

Tính chính xác trong nội dung văn bản được thể hiện cụ thể bằng số liệu, từ ngữ, câu văn, dấu câu, trật tự từ trong câu. Như vậy, văn bản sẽ tăng thêm tính khả thi và mang lại hiệu quả thiết thực.

Tính phổ thông, đại chúng của văn bản hành chính phải được trình bày, diễn đạt chặt chẽ, dễ hiểu, nhất quán giúp người đọc, người giải quyết văn bản nhanh chóng hiểu, hiểu đúng nội dung và thuận lợi trong việc thực hiện.

Việc trình bày nội dung văn bản phải tuân theo quy tắc cấu trúc văn bản, nghĩa là có bố cục hợp lý, chặt chẽ, ngôn ngữ và cách hành văn phải tuân theo các quy tắc của tiếng Việt, của kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính.

Thứ hai, tính ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu. Nội dung văn bản cần được diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu. Tính ngắn gọn trong văn bản được hiểu là dùng từ ngữ tối thiểu nhưng thể hiện được dung lượng thông tin tối đa. Diễn đạt ngắn gọn trong văn bản hành chính sẽ đem lại những hiệu quả thiết thực trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức. Viết ngắn gọn sẽ giúp người đọc, người nghiên cứu văn bản nhanh chóng nắm bắt đầy đủ các nội dung của văn bản và từ đó có thể nhanh chóng giải quyết được những nội dung của văn bản đang đặt ra.

Thứ ba, tính cụ thể, chi tiết. Ngôn ngữ trong văn bản hành chính cần được diễn đạt cụ thể, chi tiết như việc mô tả đối tượng thực hiện, hành vi, công việc, thời gian, địa điểm ở mức độ chi tiết, đảm bảo thông qua từ ngữ được diễn đạt, người đọc có thể hiểu được một cách chính xác văn bản quy định, hướng dẫn làm như thế nào. Có như vậy, văn bản mới đảm bảo được tính chắc chắn, ổn định, tin cậy để thực hiện.

Ngoài trình bày bằng văn xuôi, có thể sử dụng các bảng biểu, sơ đồ để trình bày các nội dung cần thiết khác, tăng tính hiệu quả và hấp dẫn đối với văn bản. Những nội dung cần diễn giải chi tiết và có độ dài tương đối lớn thì nên chuyển thành phụ lục.

Thứ tư, phương pháp trình bày một số “khuôn mẫu” trong văn bản hành chính. Văn bản hành chính có tính khuôn mẫu cao do xuất phát từ đặc điểm của hoạt động quản lý. Trong đó, có một số loại câu, đoạn văn có thể mẫu hóa như một loại công thức để trình bày như:

Nếu trích dẫn những văn bản làm cơ sở pháp lý hoặc văn bản từ cơ quan, tổ chức gửi đến và là cơ sở để ban hành văn bản. Gặp trường hợp này, cấu trúc các thông tin về văn bản được trích dẫn được ghi như sau: 1) Tên loại văn bản; 2) Số, ký hiệu văn bản; 3) Ngày, tháng, năm ban hành văn bản; 4) Tên cơ quan ban hành văn bản; 5) Trích yếu nội dung văn bản.

Nếu trích dẫn nhiều lần, cách trích dẫn văn bản, ghi 5 thông tin sau: 1) Tên loại văn bản; 2) Số, ký hiệu văn bản; 3) Ngày, tháng, năm ban hành văn bản; 4) Tên cơ quan ban hành văn bản; 5) Trích yếu nội dung văn bản (tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản). Từ lần trích dẫn thứ hai trở đi, chỉ cần ghi hai thông tin là tên loại văn bản và số, ký hiệu văn bản như đã quy ước.

Nếu cần viết tắt trong văn bản hành chính, cần đảm bảo các yêu cầu như cụm từ viết tắt phải thông dụng, phải lặp đi, lặp lại nhiều lần, được ghi đầy đủ lần đầu trong văn bản, ngay sau đó giải thích bằng cách viết tắt trong dấu ngoặc đơn; cụm từ viết tắt là các chữ cái đầu của các con chữ được viết tắt.

Có những mẫu câu riêng cho từng loại văn bản. Chẳng hạn, câu trong trích yếu nội dung văn bản, câu trong “quyết định”, câu trong các loại biên bản vi phạm hành chính đều có những mẫu câu riêng. Hoặc trong quyết định, cơ quan ban hành quyết định phải chứng minh và đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến và phù hợp với thực tiễn của quyết định quản lý, do đó cần phải bắt đầu văn bản bằng những những căn cứ là trích dẫn những văn bản làm cơ sở pháp lý.

Một số vấn đề cần chú ý khi sử dụng trong ngôn ngữ hành chính

Ngoài việc bám sát cách thức sử dụng, diễn đạt ngôn ngữ văn bản hành chính cần lưu ý đến cách sử dụng, diễn đạt ngôn ngữ không phù hợp sau đây:

Một là, sử dụng từ, diễn đạt câu, đoạn văn, toàn bộ văn bản đa nghĩa, nghĩa mơ hồ, không rõ ràng. Trong thực tế, có thể thấy không hiếm trường hợp văn bản hành chính có cách sử dụng, diễn đạt ngôn ngữ đa nghĩa hoặc nghĩa mơ hồ, không rõ ràng như “thực hiện theo quy định của pháp luật”, “thủ trưởng các đơn vị có liên quan” hoặc như trong năm 2021, khi triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, một số địa phương ban hành văn bản hành chính đã sử dụng những cụm từ như “chỉ được ra đường trong trường hợp cần thiết”, “chỉ được mua những mặt hàng thiết yếu” là mơ hồ, không rõ ràng, tường minh.

Hai là, sử dụng từ ngữ địa phương, tiếng lóng, nói lái, ngôn ngữ mạng xã hội. Tiếng Việt và từ ngữ ở nhiều địa phương có đặc điểm là có thể nói lái và đa số trường hợp đã tạo nên những tiếng có nghĩa. Ở nhiều địa phương, nói lái, nói lóng trở nên phổ biến và mang lại nhiều điều thú vị trong cuộc sống. Tuy nhiên, khi sử dụng từ ngữ, câu văn trong văn bản hành chính không sử dụng kiểu câu, từ thể hiện cách nói lóng, nói lái như trong đời sống dễ dẫn đến việc thực hiện sai nội dung văn bản. Đặc biệt, khi sử dụng ngôn ngữ trong Văn bản hành chính cần chú ý không sử dụng những từ ngữ mới nếu không đảm bảo sự chính xác, phổ thông của tiếng Việt.

Ba là, sử dụng tiếng nước ngoài. Không sử dụng tiếng nước ngoài khi đã có từ tiếng Việt thay thế. Chẳng hạn các từ ngữ xuất hiện khá nhiều trong văn bản hành chính như “email” (tiếng Anh) cần thay vào đó là “thư điện tử” (tiếng Việt); học online (tiếng Anh), thay vào đó là học trực tuyến (tiếng Việt).

Mặt khác, trong Văn bản hành chính vẫn có thể sử dụng tiếng nước ngoài như tiếng Anh trong trường hợp thuật ngữ, khái niệm, từ ngữ đó không có tiếng Việt thay thế và từ ngữ đó đã được sử dụng trong văn bản của các cơ quan nhà nước như khi diễn đạt phong chữ sử dụng trong văn bản hành chính là phong chữ Times New Roman. Đây là từ tiếng Anh và không có từ tiếng Việt thay thế nên được sử dụng.

Bốn là, ghi những câu, từ có ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện văn bản. Trước một vấn đề, sự việc, con người có thể tiếp nhận từ hai thái độ tích cực và tiêu cực. Khi sử dụng ngôn ngữ trong văn bản cần chú ý đến việc diễn đạt chính xác nội dung nhưng nếu chọn những câu, từ gợi nên cảm giác tiêu cực sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, hành động và hiệu quả trong giải quyết, thực hiện văn bản đó.

Ví dụ, trong phần kết thúc của nhiều văn bản hành chính có cách diễn đạt như: “Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ...” hoặc: “Trong quá trình thực hiện, nếu có thắc mắc, xin liên hệ...”. Ý tứ của những câu này thể hiện sự cầu thị, sẵn sàng phối hợp trong giải quyết công việc. Tuy nhiên, lỗi sai về cách diễn đạt là đã sử dụng những từ ngữ như khó khăn, vướng mắc, thắc mắc, gợi đến những trạng thái tiêu cực. Thay vào đó có thể sử dụng những từ ngữ như: “Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần phối hợp, giúp đỡ, đề nghị liên hệ...” hoặc “Trong quá trình thực hiện, nếu cần thông tin trao

đôi, xin liên hệ...” thì câu văn sẽ chuyển sang hướng tích cực và có tác động tốt, khơi dậy tiềm thức tích cực và biện pháp xử lý tình huống của người giải quyết nội dung văn bản.

*TS. Đỗ Văn Học và Sinh viên ngành Quản trị văn phòng Đỗ Kiều Trang
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Nguồn: tcnn.vn*

Ghi chú:

(1) Chính phủ, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

NHIỀU VIỆC PHẢI LÀM KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Cần đánh giá kỹ việc sắp xếp các đơn vị hành chính thời gian qua, trong đó chú ý bảo đảm tiết kiệm ngân sách nhà nước; tính toán việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công dôi dư, tránh xảy ra tình trạng không sử dụng trong nhiều tháng, nhiều năm, gây lãng phí. Đây là nhấn mạnh của Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn tại phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của các tỉnh Nam Định, Sóc Trăng và Tuyên Quang vừa qua.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là một chủ trương lớn, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nhằm tinh gọn bộ máy hành chính, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy. Để thực hiện được mục tiêu quan trọng này, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu rõ, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải gắn việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; giải quyết chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động...

Thực hiện yêu cầu nghị quyết của Quốc hội, thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt triển khai thực hiện nhiệm vụ này. Trong phiên họp Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ vừa tổ chức mới đây, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã yêu cầu tập trung thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, phấn đấu cơ bản hoàn thành trong tháng 9/2024, bảo đảm ổn định tổ chức để các địa phương tiến hành đại hội Đảng bộ các cấp năm 2025.

Thời gian qua, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã nhận được nhiều sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ. Trên cơ sở đó, các địa phương đã nỗ lực, tích cực vào cuộc để thực hiện. Nhưng như Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nhận định trước Phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: “Thực sự đây là một việc rất khó, một việc hết sức phức tạp”.

Bộ Nội vụ là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Có lẽ, là người trong cuộc nên Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà thấu hiểu được những khó khăn trong quá trình thực hiện. Bởi thực tế cho thấy, sắp xếp tổ chức bộ máy nói chung, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nói riêng là đụng đến con người. Sắp xếp bộ máy đơn vị hành chính như thế nào, tinh giản biên chế ra sao, “ai đi, ai ở” để bảo đảm công bằng, thấu tình đạt lý cũng là một bài toán khó. Nếu không được tính toán cẩn trọng, nếu không bảo đảm dân chủ, khách quan, và quyết tâm thực hiện sẽ không đạt được đích đến của việc sắp xếp đơn vị hành chính đó là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Cũng bởi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã là “việc rất khó, một việc hết sức phức tạp”, dù mục tiêu đặt ra phần đầu đến tháng 9 này cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhưng cho đến nay, mới có 32/54 địa phương đã có hồ sơ về việc sắp xếp. Tại phiên họp vừa qua, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã biểu quyết thông qua 3 Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của 3 tỉnh: Nam Định, Tuyên Quang và Sóc Trăng. Điều này thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm rất lớn của người đứng đầu và sự chia sẻ, ủng hộ nhiệt tình của nhân dân 3 địa phương trong thực hiện nhiệm vụ vốn khó khăn, phức tạp này. Đây cũng là “gương sáng” để các địa phương khác học hỏi trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, đây vẫn là con số còn rất khiêm tốn so với số địa phương cần phải sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong thời gian tới.

Thời gian còn lại không nhiều, đòi hỏi sự quyết tâm, quyết liệt chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đặc biệt là sự vào cuộc tích cực hơn nữa của địa phương để thực hiện việc sắp xếp.

Nỗ lực, đồng tốc, đồng lực để thực hiện về đích là cần thiết, nhưng quá trình sắp xếp cần có sự khảo sát cẩn trọng để tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân. Bởi sắp xếp không đơn thuần là cắt giảm cơ học số lượng đơn vị hành chính mà phải gắn liền với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng hiệu quả, hoạt động của bộ máy. Giải quyết thỏa đáng được quyền lợi cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư. Cùng với đó, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp một cách hiệu quả, tránh gây lãng phí như thời gian qua.

Nguồn: daibieunhandan.vn

NGÀNH TUYÊN GIÁO: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, LÀM CHỦ “TRẬN ĐỊA” MỚI

Năm 2024 đánh dấu bước đột phá của ngành Tuyên giáo trong đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, thù địch trên không gian mạng. Nhiều thông tin xấu độc đã bị hạn chế, gỡ bỏ; nhiều tài khoản, chủ kênh dần bị cô lập hoặc vô hiệu hóa.

Từ đầu năm đến nay, toàn ngành Tuyên giáo tập trung tham mưu cấp ủy các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của lĩnh vực này đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Ngành cũng đã tích cực tham mưu Ban Chỉ đạo 35 các cấp chỉ đạo quyết liệt, bài bản, thống nhất, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời, tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội, nhất là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm để kịp thời định hướng tư tưởng, dư luận xã hội, góp phần giữ vững an ninh, ổn định chính trị để phát triển đất nước.

Kiểm soát hiệu quả không gian mạng

Những năm gần đây, Đảng, Nhà nước ta rất coi trọng việc chuyển đổi số, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Năm 2024, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo hướng hiệu quả, thiết thực, tạo bứt phá phát triển kinh tế - xã hội, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với hơn 70% dân số tham gia môi trường số, việc chuyển đổi số trên các lĩnh vực đã thúc đẩy tiến trình phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực thì môi trường số cũng ẩn chứa nhiều nguy cơ như thông tin giả, thông tin phản văn hóa, thông tin phản động, lừa đảo... Đáng chú ý, các thế lực thù địch ngày càng tăng cường sử dụng mạng xã hội để tung những thông tin sai lệch về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các âm mưu “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá Đảng, Nhà nước, chống phá chế độ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trước tình hình đó, lực lượng Tuyên giáo các cấp đã chủ động tăng cường đấu tranh chống tin giả, tin phản động, trong đó xác định môi trường số là mặt trận quan trọng cần tập trung hàng đầu. Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Thanh Lâm trong tham luận tại hội thảo mới đây về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đã nhận định: Tin giả, tin đưa với ý đồ xấu gây khủng hoảng truyền thông, ảnh hưởng an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội đã diễn ra ở mức đáng báo động và ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ các giá trị văn hóa của đất nước, của dân tộc giờ đây khó khăn nhất là trên không gian mạng. Internet là “trận địa” chính của công tác tuyên truyền tư tưởng hiện nay. Chúng ta không chiếm lĩnh trận địa này, người khác sẽ chiếm. Chúng ta không đoàn kết những người dân trên internet, người khác sẽ lôi kéo.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Trung ương, mà trực tiếp là Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan chức năng đã thực thi nhiều biện pháp để đấu tranh, ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin xấu, độc. Qua tuyên truyền, vận động và cả đấu tranh pháp lý, đến nay, các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội có trụ sở đặt ở nước ngoài đã hợp tác và đáp ứng hơn 90% yêu cầu của cơ quan chức năng Việt Nam.

Thống kê trong 5 tháng đầu năm, các cơ quan chức năng đã phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội như Facebook, YouTube, TikTok gỡ hàng chục nghìn video, tài khoản và fanpage chứa thông tin xấu, độc; cụ thể: Facebook gỡ 3.382 bài viết, 248 tài khoản, 15 hội nhóm và 66 trang fanpage; YouTube gỡ 2.884 video và 9 kênh (chứa 18.000 video); TikTok gỡ 180 tài khoản với gần 50.000 video.

Nhiều tài khoản xấu, độc đăng ký ở nước ngoài đăng tải thông tin chống phá trong nước đã bị các cơ quan chức năng đưa vào “danh sách đen”, yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội cắt doanh thu. Bên cạnh đó, việc các cơ quan chức năng kiểm soát hiệu quả, kịp thời phát hiện, gỡ bỏ các thông tin xấu, độc có sự đóng góp không nhỏ của cộng đồng mạng trong nước, nhất là các đơn vị sản xuất, kinh doanh không tiếp tay cho các nền tảng mạng xã hội có hành vi vi phạm.

Làm chủ môi trường số

Đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng là lĩnh vực còn khá mới, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên nói chung và ngành Tuyên giáo nói riêng phải xác định rõ nội dung nhiệm vụ và tập trung thực hiện thường xuyên, liên tục, lâu dài.

Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 35-NQ/TW về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, các Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy đã nghiên cứu, tham mưu cấp ủy triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, trong đó chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, đa dạng hóa hình thức, trên tinh thần chủ động, cảnh giác, thường xuyên, kiên trì, kiên quyết đồng thời có trọng tâm, trọng điểm. Để đấu tranh hiệu quả trên môi trường không gian mạng, các cấp ủy và ngành Tuyên giáo xác định phải chiếm lĩnh được “trận địa” này thông qua việc hướng về cơ sở, làm chủ công nghệ số, làm chủ nguồn thông tin, ứng phó kịp thời, linh hoạt và có sức thu hút.

Thực tế cho thấy, việc bám sát, nắm chắc tình hình và làm chủ thông tin quyết định hiệu quả tuyên truyền, vận động. “Hướng về cơ sở”, “Nói cho dân hiểu, làm cho dân tin” đã trở thành phương châm hành động của nhiều cấp ủy địa phương.

Mới đây, chúng tôi có dịp khảo sát ở xã biên giới Bạch Đích, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Bí thư Chi bộ thôn Đoàn Kết Phần Tờ Mìn cho biết, ngay cả vùng biên cương núi cao, người dân cũng đã thường xuyên sử dụng internet để tìm hiểu tin tức. Tuy vậy, một bộ phận không nhỏ người dân thiếu kỹ năng chắt lọc thông tin, cho nên dễ bị dẫn dắt bởi thông tin xấu, độc. Do đó, đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên ở cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng người dân tiếp nhận thông tin.

Hầu hết các địa phương đã quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên tại cơ sở, nhất là nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, năng lực lựa chọn, sàng lọc và truyền đạt thông tin nhằm đấu tranh có hiệu quả trên không gian mạng, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhiều cấp ủy tăng cường phổ biến kiến thức lý luận chính trị và bồi dưỡng kỹ năng làm việc trên môi trường số cho cán bộ, đảng viên.

Huyện ủy Bảo Thắng (tỉnh Lào Cai) đã phát động phong trào hỗ trợ nhau cùng học cách sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin. Qua đó, hệ thống chính trị cơ sở đã kịp thời ngăn ngừa, đấu tranh phản bác nhiều thông tin gây hoang mang dư luận. Mới đây, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị tổ chức lớp học trực tuyến bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên đối tượng 5.

Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hồ Đại Nam cho biết: Hình thức tổ chức học tập, nghiên cứu và kiểm tra, đánh giá kết quả trên internet, với hàng nghìn người tham gia mỗi lớp, là giải pháp mang tính đột phá trong việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên cấp cơ sở. Qua đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên của tỉnh được trang bị kiến thức, thông tin thường xuyên, liên tục và đầy đủ. Đây chính là lực lượng chủ công trong đấu tranh phản bác thông tin xấu, độc ngay từ cơ sở.

Xây dựng bản lĩnh công dân số

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới đặt ra yêu cầu phải nâng cao khả năng tự phòng chống của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị.

Tiến trình chuyển đổi số quốc gia đang thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển công dân số và xã hội số. Thực tế đó đòi hỏi ngoài việc thành thạo công nghệ số, công dân cần được trang bị kiến thức để có khả năng tự bảo vệ trước những tác động tiêu cực của môi trường số.

Tại Hội nghị Sơ kết công tác Tuyên giáo sáu tháng đầu năm 2024, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương Nguyễn Trọng Nghĩa đã yêu cầu phải quyết tâm thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành Tuyên giáo để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Trước hết, đội ngũ những người làm công tác tuyên giáo cần liên tục học hỏi, tiếp cận, cập nhật để làm chủ công nghệ và quản lý được các hoạt động tương tác qua mạng. Nội dung công tác tuyên giáo phải được số hóa với các văn bản, tài liệu nghiên cứu, trao đổi, tuyên truyền...

Cùng với đó, phương thức công tác tuyên giáo trên môi trường số phải linh hoạt, bảo đảm cho hoạt động tuyên giáo diễn ra mọi lúc, mọi nơi, đáp ứng nhu cầu, mục đích của người nghe, người tiếp thu, người đối thoại là những công dân số đang hình thành ngày càng đông đảo.

Lực lượng tuyên giáo làm chủ được môi trường số sẽ tạo đột phá về hiệu quả công tác tuyên truyền và công tác tư tưởng, góp phần quan trọng nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên, người dân - những công dân số có năng lực nhận biết thông tin xấu, độc, đồng thời có thể tham gia đấu tranh trên không gian mạng, phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động hòng chống phá Đảng, Nhà nước.

Trong thực tế, đã có những địa phương thực hiện tốt việc chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo. Thí dụ như ở tỉnh Quảng Trị, địa bàn tuy nhỏ, nhưng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã chỉ đạo xây dựng 1.923 trang Facebook, fanpage, kênh YouTube... tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến xã; có hơn 200 nhóm (group) thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, chia sẻ thông tin tích cực, tham gia định hướng dư luận, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Năm 2021, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Bộ Tư lệnh 86 tổ chức chín lớp tập huấn về kỹ năng tác nghiệp trên môi trường mạng với khoảng 800 người tham dự, góp phần hình thành lực lượng hùng hậu tham gia vào mặt trận văn hóa, tư tưởng của Đảng ở địa phương.

Có thể nói, ngành Tuyên giáo đã nắm bắt nhanh và có sự chuyển hướng kịp thời, phù hợp với tình hình mới nhằm nâng cao hiệu quả các mặt công tác, nhất là công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên khắp thế giới, tác động mạnh đến toàn bộ các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội và mọi lĩnh vực của đời sống.

Nguồn: nhandan.vn

NGÀNH TÀI CHÍNH: TIẾP TỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ MẠNH MẼ

Bộ Tài chính đặc biệt quan tâm công tác cải cách hành chính, trong đó chủ động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, gắn cải cách hành chính với ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm cải cách mạnh mẽ ngành Tài chính với mục tiêu cao nhất là phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính

Công tác cải cách hành chính của Bộ Tài chính ngày càng được quan tâm, chất lượng và hiệu quả công việc ngày một rõ nét hơn, lãnh đạo Bộ Tài chính đã quan tâm, chỉ đạo xuyên suốt, linh hoạt, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực tài chính - ngân sách, góp phần giữ vững ổn định, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả này đã thể hiện sự nỗ lực, cố gắng của Bộ Tài chính trong triển khai công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024.

Trong nhiều năm liên tiếp, Bộ Tài chính luôn dẫn đầu trong xếp hạng về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông (Chỉ số ICT Index). Các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc luôn tiên phong trong thực hiện chuyển đổi số với các kết quả ấn tượng. TS. Nguyễn Đức Hiền, Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương

Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính là 764 thủ tục hành chính, giảm so với cùng kỳ tháng 6/2023 là 30 thủ tục hành chính. Trong đó, lĩnh vực thuế là 235 thủ tục hành chính; lĩnh vực hải quan là 225 thủ tục hành chính; lĩnh vực kho bạc nhà nước là 11 thủ tục hành chính; lĩnh vực dự trữ là 7 thủ tục hành chính; lĩnh vực chứng khoán là 104 thủ tục hành chính; lĩnh vực tài chính chung là 182 thủ tục hành chính.

Đáng lưu ý, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 412/QĐ-TTg phê duyệt 42 phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính giai đoạn 2024 - 2025. Đến ngày 30/6/2024, Bộ Tài chính đã thực thi được 9/42 phương án đã được phê duyệt.

Cùng với việc quyết liệt triển khai công tác cải cách hành chính, trọng tâm là công tác cải cách thủ tục hành chính, Bộ Tài chính đã xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số một cách đồng bộ và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực tài chính. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được nâng lên và phát triển theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước của Bộ.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính tiếp tục vận hành đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống kết nối chia sẻ dữ liệu số ngành Tài chính, trực liên thông văn bản điện tử ngành Tài chính, đã ban hành kế hoạch thuê dịch vụ nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu dùng chung ngành Tài chính phục vụ tài chính điện tử hướng tới Tài chính số.

Hiện nay, Bộ Tài chính đã triển khai 764 dịch vụ công, trong đó: có 347 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 108 dịch vụ công trực tuyến một phần và 309 dịch vụ cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, đã hoàn thành kết nối, tích hợp 284 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Doanh nghiệp, người dân cũng thấy rõ lợi ích khi ngành Tài chính triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Các chương trình chuyển đổi số nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiết kiệm được nhiều chi phí. Các thủ tục đã được thực hiện nhanh chóng, giúp cho thời gian hao phí trước đây tính bằng giờ, bằng ngày thì nay tính bằng phút.

TS. Nguyễn Đức Hiền, Phó Trưởng ban Ban Kinh tế Trung ương đã ghi nhận những kết quả đạt được trong chuyển đổi số ngành Tài chính. Theo TS. Nguyễn Đức Hiền, đến nay, việc triển khai chuyển đổi số, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của ngành Tài chính đã thu được nhiều kết quả nổi bật. Bộ Tài chính cũng là một trong những Bộ, ngành đầu tiên ban hành các văn bản định hướng nghiên cứu, thực hiện chuyển đổi số.

“Phủ sóng” tới mọi lĩnh vực

Thời gian qua, ngành Tài chính tiếp tục ghi dấu trong nỗ lực cải cách hành chính thông qua việc đạt được nhiều thành quả trong công tác hiện đại hóa lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc.

Theo Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Kho bạc Nhà nước Vũ Hải Sơn, 100% thủ tục hành chính lĩnh vực kho bạc đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Bộ Tài chính tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các đơn vị liên quan đẩy mạnh thu phí, lệ phí và thu phạt trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp ngân sách đối với nhà cung cấp nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian tổ chức thu,...

Còn theo Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Tổng cục Hải quan Lê Đức Thành, triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, tính đến ngày 30/6/2024, đã có 250 thủ tục hành chính của 13 Bộ, ngành kết nối với 7,43 triệu bộ hồ sơ của hơn 72 nghìn doanh nghiệp. Về cơ chế một cửa ASEAN, Việt Nam tiếp tục trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 9 nước ASEAN...

Về Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin tập trung của ngành Hải quan, Ngành tiếp tục quản lý, giám sát và đảm bảo vận hành Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin tập trung của ngành Hải quan ổn định 24/7, đảm bảo an ninh, an toàn, đường truyền thông suốt phục vụ đắc lực cho việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

Về phía Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin Phạm Quang Toàn cho biết, ngành Thuế đã triển khai hệ thống hóa đơn điện tử tại 63 tỉnh, thành phố. Kết quả từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2024, tổng số hóa đơn đã tiếp nhận và xử lý là gần 8,3 tỷ hóa đơn; Triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, tính đến ngày 30/6/2024, có 71.329 doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công.

Về triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số quốc gia, ngành Thuế đã triển khai thành công ứng dụng E-tax trên Mobile, số lượt tải, cài đặt, sử dụng ứng dụng eTax Mobile là 1.170.779 lượt, số giao dịch qua ngân hàng thương mại là 1.867.349 giao dịch với tổng số tiền đã nộp thành công 4.376 tỷ đồng. Đáng chú ý, cơ quan thuế đã triển khai Cổng thông tin điện tử cho nhà cung cấp nước ngoài; tiếp nhận thông tin từ các sàn thương mại điện tử trong nước; Triển khai hệ thống tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...

Trong thời gian tới, ngành Tài chính sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong cải cách hành chính để xây dựng bộ máy tinh gọn; đội ngũ công chức đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ và ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để hiện đại hóa hoạt động nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 30/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.**

Theo đó, Nghị định này quy định về:

1. Tiền sử dụng đất (bao gồm tính, thu, nộp, miễn, giảm tiền sử dụng đất; xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ghi nợ tiền sử dụng đất) quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai trong các trường hợp: a) Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. b) Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang loại đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. c) Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định của pháp luật mà phát sinh nghĩa vụ về tiền sử dụng đất.

2. Tiền thuê đất (bao gồm tính, thu, nộp, miễn, giảm tiền thuê đất; xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai trong các trường hợp: a) Nhà nước cho thuê đất (bao gồm cả đất có mặt nước). b) Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang loại đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất và phải nộp tiền thuê đất. c) Nhà nước cho thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất; đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác, sử dụng công trình ngầm quy định tại Điều 216 Luật Đất đai. d) Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định của pháp luật thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất theo quy định.

3. Tiền nộp bổ sung (tiền sử dụng đất tăng thêm, tiền thuê đất tăng thêm) đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất quy định tại Khoản 8 Điều 81, điểm đ Khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai.

Đối tượng áp dụng gồm: 1. Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. 2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. 3. Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định chi tiết về: Tính tiền sử dụng đất; Miễn, giảm tiền sử dụng đất; Tính tiền sử dụng đất phải nộp; Thu, nộp tiền sử dụng đất; Tính tiền thuê đất; Miễn giảm tiền thuê đất; Thu, nộp tiền thuê đất; Trách nhiệm của cơ quan, người sử dụng đất trong xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

*** Ngày 30/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.**

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Khoản 6 Điều 3, Điều 9, Khoản 2 Điều 10, Điều 16, Khoản 4 Điều 22, điểm d Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 28, Khoản 6 Điều 49, Điều 65, Khoản 2 Điều 74, khoản 9 Điều 76, Khoản 10 Điều 76, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 87, Điều 88, điểm b Khoản 5 Điều 89, khoản 7 Điều 89, Điều 90, Điều 113, Khoản 3 Điều 115, Khoản 6 Điều 116, Khoản 7 Điều 116, Khoản 1 Điều 122, điểm n Khoản 3 Điều 124, Khoản 8 Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 127, Điều 172, Điều 181, Điều 190, Điều 192, Điều 193, Điều 194, Điều 197, Điều 200, Điều 201, Điều 202, Điều 203, Điều 204, Điều 208, Điều 210, Điều 216, Điều 218, Điều 219, Điều 223, Điều 232, Khoản 8 Điều 234, Khoản 7 Điều 236, Khoản 2 Điều 240, điểm c Khoản 2 Điều 243, điểm b Khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai.

Đối tượng áp dụng gồm: 1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai. 2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai. 3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Bên cạnh đó, Nghị định quy định về: Tổ chức dịch vụ công về đất đai; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp; nguyên tắc, tiêu chí phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, điều kiện của tổ chức tư vấn lập kế hoạch; Thu hồi đất, trưng dụng đất: thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai; thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định thu hồi đất, khiếu nại quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế; Phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: quy định chi tiết về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; đấu giá quyền sử dụng đất; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; Chế độ sử dụng đất: thời hạn sử dụng đất; đất do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng; hoạt động lấn biển; tập trung, tích tụ đất nông nghiệp; chế độ sử dụng đất quốc phòng, an ninh; chế độ sử dụng đất; Theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; kiểm tra chuyên ngành

đất đai; Giải quyết tranh chấp đất đai, hành vi vi phạm pháp luật về đất đai khi thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai;...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

*** Ngày 29/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2024/NĐ-CP quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai.**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, gồm: Khoản 4 Điều 50, Khoản 1 Điều 55, Khoản 5 Điều 131, Khoản 7 Điều 135, Khoản 10 Điều 138, Khoản 6 Điều 139, Khoản 7 Điều 140, Khoản 3 Điều 142, Khoản 4 Điều 170, Khoản 2 Điều 181 và các điểm b, c, d, đ, i và k Khoản 1 Điều 223 của Luật Đất đai.

Việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Đối tượng áp dụng gồm: 1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai. 2. Người sử dụng đất, người được giao quản lý đất theo quy định của Luật Đất đai. 3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

Nghị định cũng quy định chi tiết: Điều tra cơ bản về đất đai: đo đạc lập bản đồ địa chính; điều tra, đánh giá đất đai và bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất; Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: quy định chi tiết việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; quy định chi tiết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất bằng phương tiện điện tử; Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;...

Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu bằng phương tiện điện tử

1. Hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu điện tử là các văn bản điện tử, dữ liệu điện tử đã được xác thực thể hiện đầy đủ thành phần, nội dung của các giấy tờ theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này.

2. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và giao dịch điện tử.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu bằng phương tiện điện tử: a) Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người được giao quản lý đất nhập thông tin vào Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất điện tử, đồng thời gắn kèm theo hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh; b) Hệ thống tiếp nhận hồ sơ của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh gửi phản hồi kết quả tiếp nhận hồ sơ cho người yêu cầu

đăng ký qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử hoặc các phương tiện điện tử khác; c) Cơ quan giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất kiểm tra hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định từ Điều 31 đến Điều 36 của Nghị định này; d) Cơ quan giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất gửi kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người được giao quản lý đất theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 21 của Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

*** Ngày 26/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.**

Nghị định nêu rõ các điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội bao gồm:

Điều kiện về nhà ở (Điều 29) quy định:

Trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình được xác định khi đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 77 của Luật Nhà ở và vợ hoặc chồng của đối tượng đó (nếu có) không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án nhà ở xã hội đó tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xác nhận có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Văn phòng/Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án nhà ở xã hội đó thực hiện việc xác nhận đối với trường hợp quy định này.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xác nhận diện tích nhà ở bình quân đầu người, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận đối với trường hợp quy định này.

Điều kiện về thu nhập (Điều 30) quy định:

Đối với các đối tượng quy định tại các Khoản 5, 6 và 8 Điều 76 của Luật Nhà ở thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập như sau:

Trường hợp người đứng đơn là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận. Thời gian xác định điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên kế, tính từ thời điểm đối tượng quy định ở trên nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

Thời gian xác định điều kiện về thu nhập trong 01 năm liên kế, tính từ thời điểm đối tượng quy định trên nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có Hợp đồng lao động, nếu là người độc thân thì thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 15 triệu đồng, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xác nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận điều kiện về thu nhập trong 01 năm liền kể tính từ thời điểm đối tượng nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội.

Đối với đối tượng quy định tại Khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 76 của Luật Nhà ở thì phải thuộc trường hợp hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo của Chính phủ.

Đối với đối tượng quy định tại Khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì áp dụng điều kiện thu nhập theo điều kiện đối với lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại Điều 67 của Nghị định 100/2024/NĐ-CP.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định chi tiết về: Các giai đoạn của dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; Về nhà ở xã hội; Về nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp; Về nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân;...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

*** Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 99/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm p Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.**

Theo đó, đối tượng này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2024/NĐ-CP như sau: Cán bộ, công chức nữ giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26/7/2024.

*** Ngày 24/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.**

Nghị định quy định nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ là nhà ở có từ 02 tầng trở lên được thiết kế, xây dựng với mục đích để bán, cho thuê mua hoặc kết hợp bán, cho thuê mua, cho thuê hoặc chỉ để cho thuê đối với từng căn hộ.

Việc xây dựng nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ được thực hiện như sau:

Trường hợp xây dựng nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ để cho thuê, để bán hoặc kết hợp bán, cho thuê, cho thuê mua hoặc có quy mô từ 20 căn hộ trở lên để cho thuê thì phải thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng dự án nhà ở theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan;

Trường hợp xây dựng nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ mà có quy mô dưới 20 căn hộ để cho thuê thì việc xây dựng nhà ở này phải thực hiện theo quy định về xây dựng nhà ở riêng lẻ của cá nhân, bao gồm yêu cầu về thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, cấp Giấy phép xây dựng, quản lý, giám sát thi công xây dựng và các yêu cầu về an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý vận hành nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ được thực hiện theo Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

Nghị định cũng quy định rõ việc bán, cho thuê, cho thuê mua, bàn giao nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ. Theo quy định:

1. Trường hợp xây dựng nhà ở theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Nhà ở hoặc theo Khoản 3 Điều 57 của Luật Nhà ở mà có căn hộ để bán, cho thuê mua thì việc bán, cho thuê mua nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

2. Trường hợp xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 3 Điều 57 của Luật Nhà ở mà có căn hộ chỉ để cho thuê thì việc cho thuê nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về nhà ở.

3. Việc cấp Giấy chứng nhận đối với từng căn hộ cho người mua, thuê mua quy định tại (1) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Việc bàn giao các căn hộ mua bán, thuê, thuê mua được thực hiện theo quy định sau đây: a) Đối với trường hợp quy định (1) thì việc bàn giao nhà ở được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 37 của Luật Nhà ở và Điều 25 của Nghị định này; b) Đối với trường hợp quy định tại (2) thì việc bàn giao nhà ở được thực hiện theo hợp đồng thuê nhà ở đã ký kết.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định chi tiết: Quy định về sở hữu nhà ở; Quy định cụ thể về chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh; Các giai đoạn đầu tư xây dựng của dự án đầu tư xây dựng nhà ở; Phát triển, quản lý, sử dụng nhà ở công vụ; Phát triển, quản lý, sử dụng nhà ở để phục vụ tái định cư; Huy động vốn để phát triển nhà ở; Chuyển đổi công năng nhà ở; Quản lý, sử dụng nhà ở thuộc tài sản công; Phân hạng nhà chung cư; Quản lý, sử dụng nhà chung cư;...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024.

*** Ngày 24/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản 2023 gồm:

Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 về công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích giáo dục, y tế, thể thao, văn hóa, văn phòng, thương mại, dịch vụ, du lịch, lưu trú, công nghiệp và công trình xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp; về phần diện tích sản xây dựng trong công trình xây dựng.

Điều 6 về công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh.

Điểm b, điểm c Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 9 về tỷ lệ dư nợ tín dụng, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp trên số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản; vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản; kinh doanh bất động sản quy mô nhỏ.

Khoản 4 Điều 24 về việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản cấp tỉnh nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua của chủ đầu tư dự án.

Khoản 7 Điều 31 về việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản cấp tỉnh quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện được chuyển nhượng của chủ đầu tư dự án.

Điều 42 về thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản.

Khoản 1 Điều 44 về các loại hợp đồng mẫu trong kinh doanh bất động sản.

Điều 52 về trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản.

Khoản 3 Điều 54 về sàn giao dịch bất động sản trước khi hoạt động phải gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản cấp tỉnh nơi có trụ sở chính của sàn giao dịch bất động sản để được cấp giấy phép hoạt động.

Điều 55 về điều kiện hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Điều 56 về nội dung hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Điều 60 về quản lý hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Điểm b Khoản 1 Điều 61 về cơ sở vật chất, kỹ thuật tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản phải đáp ứng.

Khoản 3 Điều 70 về tổ chức kỳ thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Khoản 1 Điều 79 về việc Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nghiên cứu, đề xuất các biện pháp điều tiết thị trường bất động sản quy định tại Điều 78 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023

Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không phải là công dân Việt Nam được thuê nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Cũng theo Nghị định, tổ chức, cá nhân thành lập sàn giao dịch bất động sản gửi hồ sơ theo quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản cấp tỉnh nơi có trụ sở chính của sàn giao dịch bất động sản (nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến) để được cấp giấy phép hoạt động.

Nghị định nêu rõ, sàn giao dịch bất động sản hoạt động phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 55 Luật Kinh doanh bất động sản.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và người quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản phải chịu trách nhiệm về hoạt động của sàn giao dịch bất động sản. Người đại diện theo pháp luật của sàn giao dịch bất động sản có thể đồng thời là người quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản.

Sàn giao dịch bất động sản phải có tên, địa chỉ giao dịch ổn định trên 12 tháng và trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo nội dung hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

Sàn giao dịch bất động sản có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng chống rửa tiền, báo cáo về phòng chống rửa tiền theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền.

Theo Nghị định, sàn giao dịch bất động sản hoạt động theo nội dung quy định tại Điều 56 Luật Kinh doanh bất động sản.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

*** Ngày 24/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023: Điều 73, Điều 74, điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 75.

Điều 15 Nghị định quy định, việc chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức được thực hiện trực tuyến thông qua Cổng thông tin điện tử của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản (<https://batdongsan xaydung.gov.vn>) theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các ngành chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu sau: Tổng cục Thống kê chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở: theo số liệu của tổng điều tra dân số và nhà ở, điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ theo Biểu mẫu số 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tổng hợp từ Biểu mẫu số 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản; hoạt động của doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh bất động sản bao gồm các nội dung theo Biểu mẫu số 5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản theo Biểu mẫu số 6. Bộ Tài chính chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về phát hành trái phiếu doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản theo Biểu mẫu số 7. Tổng cục Thuế chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo Biểu mẫu số 8.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu sau: Về chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; các chương trình hỗ trợ về nhà ở theo Biểu mẫu số 3. Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn theo Biểu mẫu số 12. Về quyết định đầu tư đối với các loại dự án bất động sản trên địa bàn theo Biểu mẫu số 13. Về số lượng, giá trị giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực trên địa bàn theo Biểu mẫu số 14. Về đất ở để đấu giá và tình hình đấu giá đất ở của các dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây dựng nhà ở theo Biểu mẫu số 15. Về tổ chức kinh doanh dịch vụ bất động sản trên địa bàn được tổng hợp theo Biểu mẫu số 16. Về số lượng, giá trị giao dịch bất động sản thông qua sàn giao dịch bất động sản trên địa bàn theo Biểu mẫu số 17. Về chứng chỉ môi giới bất động sản được cấp trong kỳ theo Biểu mẫu số 18. Về cá nhân đã được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn theo Biểu mẫu số 19. Về tổ chức, cá nhân người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam trên địa bàn theo Biểu mẫu số 20. Về nhà ở phục vụ tái định cư trên địa bàn theo Biểu mẫu số 21. Về số lượng, diện tích nhà ở công vụ hiện có và đang sử dụng trên địa bàn theo Biểu mẫu số 22. Về chương trình hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn theo chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại khoản 8 Điều 6 của Nghị định theo Biểu mẫu số 23.

Chủ đầu tư dự án bất động sản cung cấp thông tin, dữ liệu sau:

Trước khi đưa bất động sản, dự án bất động sản vào kinh doanh, chủ đầu tư dự án bất động sản phải công khai, cung cấp thông tin về bất động sản, dự án bất động sản theo quy định tại: khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 của Luật Kinh doanh bất động sản; Điều 4 của Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 22/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản và Điều 9 của Nghị định này theo Biểu mẫu số 9.

Trường hợp chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án thì chủ đầu tư nhận chuyên nhượng thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu về cơ cấu bất động sản nhận chuyên nhượng theo Biểu mẫu số 10; chủ đầu tư chuyên nhượng phải điều chỉnh, sửa đổi lại thông tin, dữ liệu về dự án.

Cơ quan quản lý hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản cung cấp tài khoản mới và hướng dẫn truy cập, kê khai, cung cấp thông tin, dữ liệu cho chủ đầu tư nhận chuyên nhượng.

Kê khai, cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình giao dịch: số lượng, giá trị giao dịch bất động sản của dự án trong kỳ báo cáo theo Biểu mẫu số 11...

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024.

*** Ngày 27/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 717/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành 9 luật, 2 nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.**

Theo Quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm: Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chất lượng, tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này; Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện; kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu được phân công chủ trì soạn thảo, trình văn bản đề xảy ra tình trạng chậm ban hành hoặc ban hành văn bản không đảm bảo chất lượng; Chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực về khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo và đề xuất biện pháp xử lý.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được giao phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở đảm bảo chất lượng và có hiệu lực đồng thời với Luật từ ngày 01/8/2024 (Danh mục văn bản ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 05/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6).

Bộ Tài chính chủ động phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình xây dựng Nghị định về thu phí sử dụng đường cao tốc để quy định chi tiết nội dung được giao tại Khoản 3 Điều 50 và Khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo để quy định chi tiết Khoản 7 Điều 62 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ để phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc soạn thảo Nghị định quy định chi tiết Khoản 4 Điều 23 Luật Thủ đô về thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan đến việc xác định các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố và quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc soạn thảo Nghị định quy định chi tiết Khoản 1 Điều 39 Luật Thủ đô về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành rà soát các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm sự phù hợp và kịp thời triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các văn bản được xác định cụ thể tại Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, nhưng phải bảo đảm lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.

Định kỳ ngày 25 hằng tháng, cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật thông tin về tình hình, tiến độ soạn thảo văn bản quy định chi tiết và gửi Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp thường kỳ.

Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc ban hành văn bản quy định chi tiết của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ để xảy ra tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản; cử cán bộ, công chức tham gia soạn thảo, chỉnh lý và đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình dự thảo văn bản quy định chi tiết bảo đảm tiến độ, chất lượng.

*** Ngày 24/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 11/2024/QĐ-TTg về tiêu chuẩn diện tích và định mức trang thiết bị nội thất nhà ở công vụ.**

Đối với các chức danh Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, bố trí cho thuê nhà ở công vụ đảm bảo nhu cầu sử dụng, điều kiện công tác và yêu cầu an ninh, bảo vệ theo quy định.

Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư được bố trí cho thuê biệt thự công vụ cao không quá 4 tầng, diện tích đất xây dựng từ 450m² đến 500m², có khuôn viên sân, vườn, có hàng rào và lối ra vào riêng biệt, đảm bảo hệ thống an ninh, bảo vệ theo quy định; định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 350 triệu đồng.

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ được bố trí cho thuê biệt thự công vụ cao không quá 4 tầng, diện tích đất xây dựng từ 350m² đến dưới 450m², có khuôn viên sân, vườn, có hàng rào và lối ra vào riêng biệt, đảm bảo hệ thống an ninh, bảo vệ theo quy định; định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 300 triệu đồng.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban, cơ quan Đảng ở trung ương, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Bộ trưởng, Trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và tương đương trở lên được bố trí cho thuê một trong hai loại hình nhà ở công vụ, bao gồm: (i) Nhà ở liền kề cao không quá 4 tầng, có diện tích đất từ 200m² đến 250m², được thiết kế theo kiểu nhà ở liền kề có sân vườn hoặc nhà phố, xây dựng liền nhau, các tầng cùng sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật; (ii) Căn hộ chung cư có diện tích sử dụng từ 145m² đến 160m², được thiết kế không gian ở khép kín, có một hay nhiều không gian chức năng khác nhau như phòng khách, các phòng ngủ, phòng ăn, bếp, khu vệ sinh, ban công hoặc lô gia. Định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 250 triệu đồng.

Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Thứ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (trừ chức danh thuộc diện Bộ Chính trị quản lý), nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, nhân tài có đóng góp quan trọng cho quốc gia được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật và tương đương trở lên được bố trí cho thuê căn hộ chung cư có diện tích sử dụng từ 100m² đến dưới 145m², được thiết kế không gian ở khép kín, có một hay nhiều không gian chức năng khác nhau như phòng khách, các phòng ngủ, phòng ăn, bếp, khu vệ sinh, ban công hoặc lô gia; định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 200 triệu đồng.

Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng Cục trưởng và tương đương trở lên được bố trí cho thuê căn hộ chung cư có diện tích sử dụng từ 65m² đến dưới 100m², được thiết kế không gian ở khép kín, có một hay nhiều không gian chức năng khác nhau như phòng khách,

các phòng ngủ, phòng ăn, bếp, khu vệ sinh, ban công hoặc lô gia; định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 180 triệu đồng.

Quyết định quy định Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy được bố trí cho thuê một trong hai loại hình nhà ở công vụ theo quy định như Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban, cơ quan Đảng ở trung ương, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Bộ trưởng, Trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và tương đương trở lên.

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, nhân tài có đóng góp quan trọng cho quốc gia được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật và tương đương trở lên được bố trí cho thuê một trong hai loại hình nhà ở công vụ, bao gồm: (i) Nhà ở liền kề cao không quá 4 tầng, có diện tích đất từ 120m² đến 150m², được thiết kế theo kiểu nhà ở liền kề có sân vườn hoặc nhà phố, xây dựng liền nhau, các tầng cùng sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật; (ii) Căn hộ chung cư có diện tích sử dụng từ 100m² đến dưới 145m², được thiết kế không gian ở khép kín, có một hay nhiều không gian chức năng khác nhau như phòng khách, các phòng ngủ, phòng ăn, bếp, khu vệ sinh, ban công hoặc lô gia. Định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 200 triệu đồng.

Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở và tương đương trở lên, được bố trí cho thuê một trong hai loại hình nhà ở công vụ, bao gồm: (i) Nhà ở liền kề cao không quá 4 tầng, có diện tích đất từ 80m² đến 100m², được thiết kế theo kiểu nhà ở liền kề có sân vườn hoặc nhà phố, xây dựng liền nhau, các tầng cùng sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 2- Căn hộ chung cư có diện tích sử dụng từ 80m² đến dưới 100m², được thiết kế không gian ở khép kín, có một hay nhiều không gian chức năng khác nhau như phòng khách, các phòng ngủ, phòng ăn, bếp, khu vệ sinh, ban công hoặc lô gia. Định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 180 triệu đồng.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên, được bố trí cho thuê một trong hai loại hình nhà ở công vụ, bao gồm: (i) Nhà ở liền kề cao không quá 4 tầng, có diện tích đất từ 60m² đến dưới 80m², được thiết kế theo kiểu nhà ở liền kề có sân vườn hoặc nhà phố, xây dựng liền nhau, các tầng cùng sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật; (ii) Căn hộ chung cư có diện tích sử dụng từ 60m² đến dưới 80m², được thiết kế không gian ở khép kín, có một hay nhiều không gian chức năng khác nhau như phòng khách, các phòng ngủ, phòng ăn, bếp, khu vệ sinh, ban công hoặc lô gia. Định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất không gắn liền với nhà ở công vụ là 150 triệu đồng.

Cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, bác sĩ và nhân viên y tế được điều động, luân chuyển đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo được bố trí cho thuê nhà ở liền kề cấp IV có diện tích sử dụng từ 24m² đến 48m², được xây dựng theo kiểu nhà 01 tầng có nhiều căn nhà sát nhau, từng căn nhà có công trình phụ khép kín; định mức kinh phí tối đa trang thiết bị nội thất cho nhà ở công vụ là 60 triệu đồng.

*** Ngày 31/7/2024, Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, Trưởng ban Ban Chỉ đạo xây dựng Dự án Luật Khoa học và Công nghệ ký Quyết định số 84/QĐ-BCĐ ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên gia liên ngành giúp việc cho Ban Chỉ đạo (sửa đổi).**

Theo đó, Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ làm việc, trách nhiệm, chế độ họp, báo cáo và điều kiện bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) và Tổ chuyên gia liên ngành giúp việc cho Ban Chỉ đạo.

Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên gia liên ngành làm việc theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, đề cao trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo. Các thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và chịu trách nhiệm về công việc được phân công.

Hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên gia liên ngành được thực hiện thông qua cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ chuyên gia liên ngành và kịp thời báo cáo về thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Trường hợp có thay đổi về thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Tổ chuyên gia liên ngành thì Bộ, Cơ quan nơi thành viên công tác có trách nhiệm cử thành viên khác thay thế, thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo.

Trưởng ban Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo quy định tại Quyết định số 457/QĐ-TTg ngày 28/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi).

Lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Chỉ đạo; triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo. Trong trường hợp cần thiết, ủy quyền cho Phó Trưởng ban giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo giúp Trưởng ban Ban chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc của Ban Chỉ đạo theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về quyết định của mình.

Điều hành giải quyết công việc của Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo; kịp thời báo cáo Trưởng ban những vấn đề lớn, quan trọng.

Thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về công việc thuộc phạm vi lĩnh vực công tác được giao.

Tổ chức, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các nhiệm vụ theo phân công của Tổ trưởng; bảo đảm tiến độ và chất lượng của ý kiến tham mưu, đề xuất và những nhiệm vụ khác được phân công.

Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo hoạch định những vấn đề trọng tâm, xây dựng kế hoạch triển khai; báo cáo kết quả thực hiện trình Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Chuẩn bị nội dung, chương trình và các điều kiện cần thiết phục vụ các phiên họp và các hoạt động khác của Ban Chỉ đạo; lập dự toán kinh phí cho hoạt động chung của Ban Chỉ đạo.

Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên ngành là Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ông Bùi Thế Duy. Tổ trưởng Tổ chuyên gia liên ngành chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo về thực hiện các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Tổ chuyên gia liên ngành; triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Tổ chuyên gia liên ngành; xử lý kịp thời các vấn đề, kiến nghị của các thành viên. Trong trường hợp cần thiết, ủy quyền cho Tổ phó giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Tổ phó Tổ chuyên gia liên ngành là Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Thị Ngọc Diệp. Tổ phó có trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công; chỉ đạo và điều hành các hoạt động của Tổ chuyên gia liên ngành theo phân công của Tổ trưởng hoặc khi được Tổ trưởng ủy quyền.

Thành viên Tổ chuyên gia liên ngành được ban hành kèm theo Quyết định số 83/QĐ-BCĐ. Các thành viên Tổ chuyên gia liên ngành chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng về các nhiệm vụ được phân công.

*** Ngày 26/7/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 09/2024/TT-BNV hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ.**

Thông tư quy định rõ căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc:

Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh được xác định theo quy định tại Khoản 5 Điều 3, Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Số lượng người làm việc trong Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và các căn cứ sau: Khối lượng tài liệu; số lượng, đặc điểm nguồn nộp lưu; loại hình tài liệu; tình trạng vật lý của tài liệu; đặc điểm ngôn ngữ của tài liệu; yêu cầu phát huy giá trị tài liệu; yêu cầu thực hiện các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ; thực trạng kho lưu trữ chuyên dụng, hạ tầng thông tin và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin.

Số lượng người làm việc trong Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh không bao gồm số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

Đối với Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương: số lượng người làm việc tối thiểu là 24 người, tối đa là 90 người.

Đối với Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh: số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người. Số lượng người làm việc tối đa đối với Lưu trữ lịch sử của Nhà nước thuộc thành phố trực thuộc trung ương là 30 người, đối với Lưu trữ lịch sử của Nhà nước thuộc tỉnh là 22 người.

Đối với tài liệu lưu trữ giấy: số lượng tài liệu lưu trữ từ 2.000 mét giá tài liệu trở lên thì cứ 300 mét giá tài liệu được bố trí thêm 01 người.

Đối với tài liệu lưu trữ điện tử: Dung lượng tài liệu lưu trữ điện tử: mỗi 1.000.000 megabyte thì bố trí 01 người;

Số lượng tài liệu ghi âm, ghi hình: mỗi 500 giờ nghe, giờ xem thì bố trí 01 người.

Đối với tài liệu lưu trữ Mộc bản: từ 15.000 tấm trở lên thì cứ 1.500 tấm bố trí thêm 01 người.

Đối với Lưu trữ lịch sử có kho lưu trữ chuyên dụng được bố trí thêm tối đa 03 người.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2024.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

*** Ban Bí thư Trung ương Đảng:**

Điều động, chỉ định Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Duy Đông tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Bộ Công an:**

Trung tướng Phạm Thế Tùng, Thứ trưởng Bộ Công an được bổ nhiệm giữ chức danh Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an.

Thượng tá Nguyễn Quang Huyền, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Bắc Ninh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Lạng Sơn, kể từ ngày 01/8/2024.

*** Bộ Tài chính:**

Ông Nguyễn Văn Thọ, Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan, kể từ ngày 01/9/2024.

*** TP. Hà Nội:**

Bà Bùi Thị Minh Hoài, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn TP. Hà Nội được bầu làm Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Bí thư Chi bộ, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Hà Nội.

*** TP. Hải Phòng:**

Bà Vương Toàn Thu Thủy, Bí thư Thành Đoàn TP. Hải Phòng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy.

*** Tỉnh Bắc Ninh:**

Bà Nguyễn Hương Giang, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Vương Quốc Tuấn, Ủy viên Dự khuyết Ban Chấp Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực phụ trách điều hành Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ông Lê Xuân Lợi, Bí thư Thành ủy Từ Sơn được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Hải Dương:**

Ông Nguyễn Hữu Thông, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Kim Thành, kể từ ngày 31/7/2024.

Ông Lê Hồng Diên, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

Ông Lê Anh Dũng, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Kim Thành được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

*** Tỉnh Vĩnh Phúc:**

Ông Trần Duy Đông, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Ông Nguyễn Hoàng Giang, Tiến sĩ Kinh tế, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Khánh Hòa:**

Ông Trần Hòa Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công kiêm Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong, kể từ ngày 01/8/2024.

*** Tỉnh Bình Dương:**

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng thôi giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024 do được Tỉnh ủy điều động nhận công tác mới.

Ông Nguyễn Văn Dành, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được hiệp thương tham gia Ủy viên Ủy ban, Ủy viên Thường trực và giữ chức vụ Bí thư Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

*** Tỉnh Sóc Trăng:**

Hội đồng nhân dân tỉnh miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với ông Lý Rotha, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh và bầu ông Lý Rotha giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Nguồn: baochinhpvu.vn